



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM
CNG VIETNAM JOINT STOCK COMPANY



ĐEM NGUỒN **NĂNG LƯỢNG SẠCH**
tới mọi nơi



2013
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

LPG	: Khí hóa lỏng
CNG	: Khí nén thiên nhiên
PVN	: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
PV Gas	: Tổng Công ty Khí Việt Nam
PV Gas D	: Công ty CP Khí thấp áp
PV Gas South	: Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam
CNG VIETNAM	: Công ty CP CNG Việt Nam
ĐHCD	: Đại Hội Cổ Đông
ĐHĐCD	: Đại Hội Đồng Cổ Đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
Ban TGD	: Ban Tổng Giám đốc
BKS	: Ban Kiểm soát
CBCNV	: Cán Bộ Công Nhân Viên

NỘI DUNG

	Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng Quản trị	04
1	THÔNG TIN CÔNG TY	
	Tổng quan về CNG VIETNAM	08
	Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	10
	Lịch sử hình thành và phát triển	12
	Những thành tựu đạt được	15
	Lĩnh vực và địa bàn hoạt động	16
	Năng lực kinh doanh	17
	Vị thế công ty	18
	Cơ cấu tổ chức và nhân sự	20
2	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	
	Tổng quan kết quả hoạt động	32
	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	33
	Tình hình tài chính	34
3	BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	
	Báo cáo của BGĐ	40
	Báo cáo của HĐQT	46
	Định hướng phát triển	50
	Kế hoạch năm 2014	52
	Các giải pháp thực hiện	54
	Trách nhiệm đối với môi trường	56
	Trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội	58
4	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	
	Hội đồng Quản trị	64
	Ban Kiểm soát	67
	Các giao dịch, thù lao của Ban Điều hành	69
	Thông tin cổ đông	71
	Quản trị rủi ro	72
5	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
	Báo cáo của Ban Giám đốc	78
	Báo cáo kiểm toán độc lập	79
	Bảng cân đối kế toán	80
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	82
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	83
	Thuyết minh báo cáo tài chính	84



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

CNG VIETNAM STOCK COMPANY



THÔNG DIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa Quý cổ đông và nhà đầu tư,

Trong năm 2013, GDP Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng 5,42% sau khi giảm xuống mức thấp nhất trong 13 năm là 5,03% trong năm 2012. Có thể thấy những khó khăn của năm 2012 đã tạm đi qua, sự tăng trưởng GDP cải thiện dần qua từng quý cũng như các phong vũ biểu cho kinh tế vĩ mô như: Chỉ số lạm phát, lãi suất cho vay, tỷ giá, đầu tư FDI cho thấy nền kinh tế đang dần có những chuyển biến tích cực. Nhưng nền kinh tế vẫn chưa lấy lại được đà tăng trưởng vững chắc, vẫn còn đó khó khăn trong những giai đoạn tiếp theo. Mặc dù môi trường kinh doanh có nhiều thử thách nhưng Công ty vẫn luôn nỗ lực tìm kiếm những cơ hội phát triển tốt nhất nhằm đem lại những giá trị cao nhất cho cổ đông, khách hàng, nhân viên và xã hội. Trong năm 2013, Công ty đã đạt được những kết quả khả quan như sau:

- » Sản lượng CNG tiêu thụ vượt kế hoạch và đạt: 62 triệu Sm³.
- » Lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch và đạt: 139 tỷ đồng.
- » Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch và đạt: 124 tỷ đồng.
- » Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu: 30,1%.

Thành công của năm 2013 là sự khích lệ lớn lao đối với toàn thể cán bộ, công nhân viên của Công ty, là động lực để chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ được giao trong những năm tiếp theo. Kết quả này đối với chúng tôi không chỉ hoàn thành kế hoạch được giao phó mà còn là từng bước đi khẳng định thương hiệu Công ty một cách vững vàng.

Sự phát triển của nền kinh tế là yếu tố quan trọng ảnh hưởng lớn đến nhu cầu tiêu thụ sản phẩm khí của Công ty. Năm 2014 vẫn còn những khó khăn, nhận thức được điều này, Ban lãnh đạo Công ty luôn linh hoạt với nhiều kịch bản kinh doanh khác nhau để ứng phó với biến động phức tạp của thị trường, mà cơ bản là cải tiến kỹ thuật, hoàn thiện hệ thống sản xuất nhằm hạn chế tối đa chi phí, thắt chặt mối quan hệ với khách hàng hiện có và tìm kiếm thêm khách hàng mới.

Bên cạnh nội lực Công ty đến từ Ban lãnh đạo sáng suốt, tận tâm, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, sự thành công của Công ty còn đến từ sự hỗ trợ quý báu của PVN, PVGas, PVGas South. Đây là những nhân tố tạo nên thành công cho CNG VIETNAM. Chúng tôi tin tưởng rằng Công ty sẽ hoàn thành tốt những nhiệm vụ được đặt ra trong năm 2014 và những năm tiếp theo.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và toàn thể cán bộ, nhân viên CNG VIETNAM, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và hỗ trợ của Quý vị đối với Công ty. Xin gửi đến Quý vị và gia đình lời chúc sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Trân trọng kính chào,

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Vũ Tuấn Ngọc

01

Công ty kinh doanh hiệu quả nhất **Việt Nam**

139 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế

THÔNG TIN CÔNG TY
Tổng quan về CNG VIETNAM
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
Lịch sử hình thành và phát triển
Những thành tựu đạt được
Lĩnh vực và địa bàn hoạt động
Năng lực kinh doanh
Vị thế công ty
Cơ cấu tổ chức và nhân sự

lấy con người làm nền tảng

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, CNG luôn lấy con người làm yếu tố trọng tâm để hoàn thành tốt các mục tiêu chiến lược đề ra, đưa CNG trở thành một doanh nghiệp có thương hiệu mạnh về sản xuất, kinh doanh khí CNG, LNG.





TỔNG QUAN VỀ CNG VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

- » Tên giao dịch: **Công ty cổ phần CNG Việt Nam**
- » Tên tiếng Anh: **CNG VIETNAM JOINT STOCK COMPANY**
- » Tên viết tắt: **CNG VIETNAM**
- » Logo Công ty:



- » Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 492032000040
- » Vốn điều lệ: 270.000.000.000 đồng
- » Địa chỉ đăng ký: Số 35I đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu.
- » Địa chỉ giao dịch: Tòa nhà Gas Tower số 61B đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu.
- » Số điện thoại: 0643.574635
- » Số fax: 0643.574619
- » Website: www.cng-vietnam.com
- » Mã cổ phiếu: **CNG**



TẦM NHÌN

Xây dựng và phát triển thương hiệu CNG VIETNAM trở thành thương hiệu có uy tín trong nước và khu vực

SỨ MỆNH

Xây dựng và phát triển Công ty cổ phần CNG Việt Nam bền vững, trở thành nhà cung cấp CNG hàng đầu tại Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ CNG, dẫn đầu về thị phần CNG, LNG trên thị trường

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Phát triển bền vững cùng cộng đồng xã hội và thân thiện với môi trường



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

“ Ngày 25/9/2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 213,28 tỷ đồng lên 270 tỷ đồng. ”

2007



Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (CNG VIETNAM) được thành lập vào ngày 28/5/2007 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 do Ban Quản lý KCN tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp với vốn điều lệ ban đầu là 19.200.000.000 đồng, trên cơ sở góp vốn của các cổ đồng sáng lập:

Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm dầu khí – Công ty Cổ phần (DMC) (51% vốn điều lệ);

Công ty IEV Energy Sdn. Bhd. (Malaysia) (42% vốn điều lệ);

Công ty TNHH Sơn Anh (7% vốn điều lệ).

2008



CNG VIETNAM tăng vốn điều lệ lên 67.200.000.000 (sáu mươi bảy tỷ hai trăm triệu đồng) với sự tham gia góp vốn thêm của các cổ đồng: Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas), Công ty cổ phần phân phối Khí thấp áp (PVGas D).

Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG VIETNAM đặt tại KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu Sm³ khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đã đưa vào vận hành từ ngày 03/09/2008.

2009



Tổng Công ty Khí Việt Nam chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đang sở hữu tại CNG VIETNAM sang Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam – PVGas South. CNG VIETNAM tiếp tục phát triển mở rộng thị trường phân phối khí CNG thông qua việc đầu tư thực hiện dự án: Nâng công suất nhà máy CNG Phú Mỹ lên 70 triệu Sm³.

Sản lượng: **9 triệu Sm²**
Doanh thu: **75,68 tỷ đồng**

2010



Để thực hiện đầu tư các dự án mở rộng sản xuất, Công ty đã phát hành 5.780.000 cổ phần nhằm tăng vốn điều lệ từ 67,2 tỷ đồng lên 125 tỷ đồng cho cổ đồng hiện hữu, cán bộ chủ chốt và cổ đồng chiến lược của Công ty theo Nghị quyết số 314/NQ – ĐHĐCĐ/2010 của ĐHĐCĐ ngày 02/04/2010.

Sau 2 năm đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (AT - CL - MT) theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO 1400:2004 được BSI (Viện tiêu chuẩn Anh) đánh giá, công nhận và cấp chứng chỉ vào ngày 22/07/2010.

Sản lượng: **26 triệu Sm²**
Doanh thu: **289,42 tỷ đồng**

2011



Từ tháng 03/2011, sau khi hệ thống máy nén khí giai đoạn điều chỉnh chính thức đi vào hoạt động cho đến nay, tổng công suất thiết kế CNG chính thức đạt 70 triệu Sm³, cung cấp khí cho 21 khách hàng tại các khu vực: Nhơn Trạch, Bình Dương, TP Hồ Chí Minh, Long An.

Sau khi tiến hành tăng vốn điều lệ lên 203,1 tỷ đồng, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh cấp quyết định số 167/2011/QĐ – SGDHCM, chấp thuận việc đăng ký niêm yết cổ phiếu CNG trên sàn giao dịch. Ngày 23/11/2011 cổ phiếu CNG chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (Hose) với số lượng 20.312.038 cổ phiếu, mã chứng khoán là CNG.

Sản lượng: **53 triệu Sm²**
Doanh thu: **747,94 tỷ đồng**

2012



Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc tăng vốn điều lệ lên 213,28 tỷ đồng.

Sản lượng: **53 triệu Sm²**
Doanh thu: **822,02 tỷ đồng**

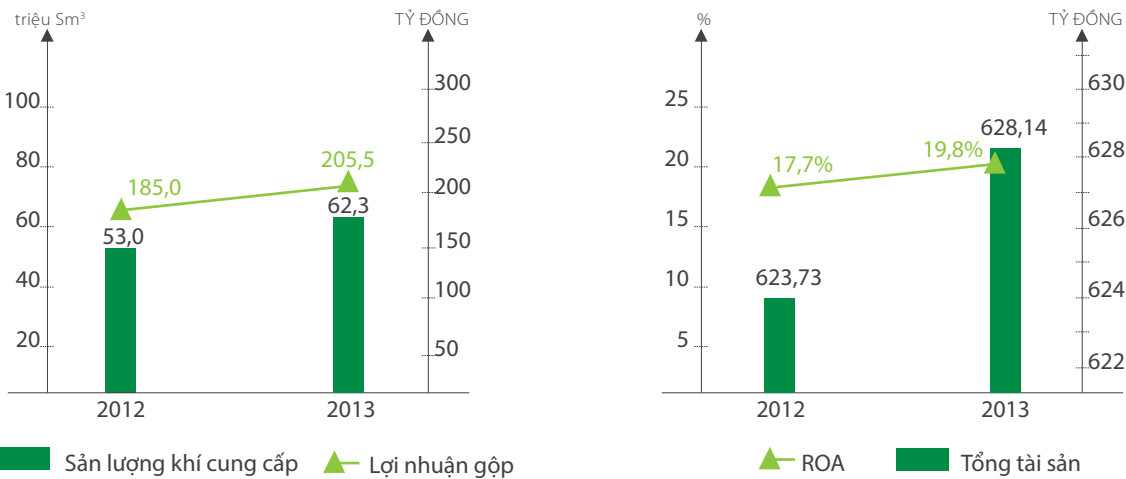
2013



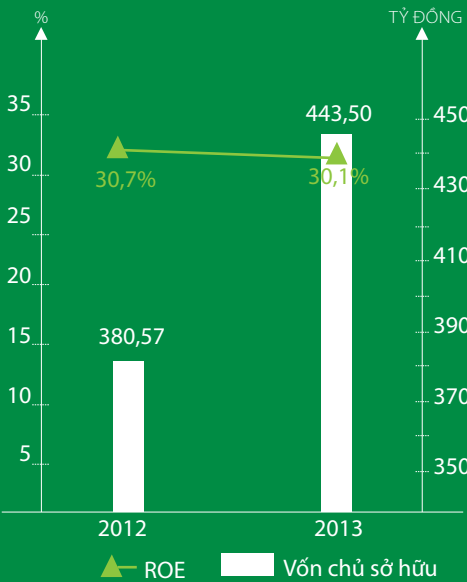
Ngày 25/9/2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 213,28 tỷ đồng lên 270 tỷ đồng.

Sản lượng: **62 triệu Sm²**
Doanh thu: **969,89 tỷ đồng**

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT



NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC



- » Bằng khen Thủ tướng Chính phủ
- » Bằng khen Đơn vị thi đua xuất sắc do Thủ tướng trao tặng, năm 2011
- » Bằng khen Bộ Công Thương
- » Bằng khen Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- » Chứng chỉ Hệ thống Quản lý AT - CL - MT do BSI cấp, năm 2010
- » Giải Top 50 BCTN tốt nhất năm 2011
- » Giải Top 50 BCTN tốt nhất năm 2012
- » Giải top 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2012
- » Giải thưởng Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2013.



QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN

Năm phát hành	Các lần tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ lũy kế (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn
2007	19,2		19,2	
2008	19,2	48,0	67,2	Phát hành thêm
2010	67,2	57,8	125,0	Phát hành cho cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược
2011	125,0	37,5	162,5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2011	162,5	40,6	203,1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu
2012	203,1	10,2	213,3	Esop cho CBCNV
2013	213,3	56,7	270,0	Esop cho CBCNV và thưởng cổ phiếu

TỔNG VỐN GIẢI NGÂN **17,33** TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ VƯỢT KẾ HOẠCH VÀ ĐẠT **124** TỶ ĐỒNG

LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- » Sản xuất và chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG;
- » Cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG;
- » Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG, LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật;
- » Cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí;
- » Mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Khu vực miền Đông Nam Bộ và các khu vực khác, bao gồm: Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Thuận. Công ty đang nghiên cứu tiếp tục mở rộng thị trường, địa bàn hoạt động kinh doanh ra các tỉnh miền Tây Nam bộ và các khu vực khác theo chiến lược của Công ty.

NĂNG LỰC KINH DOANH

Cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như tài sản cố định chủ yếu của Công ty bao gồm: Hệ thống máy móc thiết bị tại Nhà máy CNG Phú Mỹ, hệ thống phương tiện vận chuyển khí chuyên dụng và hệ thống trạm giảm áp đặt tại các Khách hàng. Trong đó:

Nhà máy CNG Phú Mỹ: Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG VIETNAM đặt tại KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu Sm³ khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đã đưa vào vận hành từ 03/09/2008. Đến nay mở rộng lên thành 70 triệu Sm³ khí/năm. Nhà máy đang từng bước phát triển mở rộng

nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng theo từng giai đoạn và đạt mục tiêu nâng công suất lên 100 triệu Sm³ khí/năm vào năm 2015.

Hệ thống phương tiện vận chuyển: Bao gồm: 15 bồn thép loại 40 feet (bao gồm cả rơmoóc), 24 bồn composite loại 40 feet và 4 bồn composite loại 20 feet. Tổng công suất vận chuyển tối đa của các thiết bị này là 70 triệu Sm³ khí/năm.

Hệ thống trạm giảm áp đặt tại các Khách hàng: Hệ thống các trạm giảm áp tại các khách hàng (PRU – Pressure Reducing Unit) bao gồm 16 hệ thống giảm áp đang cấp khí cho

khách hàng. Mỗi trạm giảm áp gồm có hệ thống đường ống, các van giảm áp từ 250 bars xuống thấp hơn 7 bars, hệ thống đo đếm khí, hệ thống gia nhiệt và các thiết bị phụ trợ khác đi kèm nhằm đảm bảo các trạm này cấp khí an toàn và liên tục cho các khách hàng.

Hệ thống các trạm được thiết kế theo tiêu chuẩn ASME B31.3, 31.8, API, ANSI, IEC, NFPA... Đối với các bồn chứa được thiết kế, chế tạo theo các tiêu chuẩn ISO 11439, ISO 11119, ASME (đối với bồn loại composite) và DOT, ASME...(đối với bồn thép).



VỊ THẾ CÔNG TY

“ Mục tiêu của Công ty là trở thành một Công ty cổ phần mạnh trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhiên liệu sạch, địa bàn hoạt động rộng khắp cả nước, phát triển theo hướng đảm bảo an toàn, hiệu quả và trở thành nhà cung cấp nhiên liệu sạch cho các khu công nghiệp và phương tiện giao thông vận tải. ”

Công ty có ưu thế vượt trội so với các doanh nghiệp kinh doanh nhiên liệu truyền thống, đặc biệt trong tương lai ưu thế này càng rõ hơn khi mà sự phát triển của nền kinh tế xã hội đòi hỏi phải là sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.



TỔNG DOANH THU
NĂM 2013

969,89 TỶ ĐỒNG

Công ty cũng có lợi thế hơn hẳn so với những doanh nghiệp kinh doanh các nhiên liệu truyền thống như than, dầu FO, DO... (sản phẩm thay thế) nhờ tính ưu việt của việc sử dụng khí CNG làm nhiên liệu thay thế. Tính ưu việt này thể hiện trên nhiều phương diện: Công nghệ, kinh tế và đặc biệt là về môi trường, cụ thể:

Về công nghệ

» CNG là khí tự nhiên nén, thành phần chủ yếu là CH_4 – methane (chiếm 85%- 95%) qua xử lý và nén ở áp suất cao (200 đến 250 bar) nên nhiệt trị cao, hiệu suất đốt cháy cao, dễ dàng điều chỉnh

hiệt độ buồng đốt, nâng cao chất lượng sản phẩm.

» Khí tự nhiên chiếm ưu thế hơn hẳn về khả năng cấp nhiệt với cùng một khối lượng cấp nhiên liệu so với than, củi, DO, FO và LPG.

» Khí tự nhiên không độc hại cũng không gây ăn mòn thiết bị.

» Sử dụng khí tự nhiên làm tăng tuổi thọ của hệ thống thiết bị: Nhiên liệu sạch nên không có muội than đọng trên các bề mặt làm việc của thiết bị, giảm đáng kể chi phí bảo dưỡng sửa chữa.

Về môi trường

» Do thành phần đơn giản dễ xử lý để loại bỏ các hợp chất độc hại như SO_x , NO_x , CO_2 , không có benzene và hydrocarbon thơm kèm theo, nên khi đốt nhiên liệu này không giải phóng nhiều khí độc như SO_2 , NO_2 , CO ..., và hầu như không phát sinh bụi.

» Thành phần chính trong khí thải của quá trình đốt khí tự nhiên chủ yếu là H_2O , CO_2 và một tỷ lệ không đáng kể các chất gây ô nhiễm môi trường là CO, NO_x , HC, SO_x và muội than. Hàm lượng khói thải gần như bằng không, hàm lượng

CO_2 , CO, Hydrocarbon thấp hơn so với nhiên liệu xăng dầu.

» Khí tự nhiên được tàng chứa trong hệ thống khép kín và không bị bay hơi ra không khí như xăng dầu, do đó không thải Hydrocarbon ra môi trường, không tạo ozon là nguyên nhân gây hiệu ứng nhà kính.

Về hiệu quả kinh tế

» Khí tự nhiên rẻ hơn so với một số loại nhiên liệu như DO, FO, LPG, điện, nên việc sử dụng khí tự nhiên sẽ tiết kiệm được rất nhiều chi phí nhiên liệu trong quá trình sản xuất.

» Các Trạm giảm áp (PRU) được hiện đại hóa, cải tiến liên tục, phù hợp với đối tượng khách hàng nên tiết kiệm được diện tích đất cũng như chi phí vận hành.

» Chất lượng sản phẩm được nâng cao cũng góp phần làm tăng hiệu quả sản xuất và tính kinh tế của việc sử dụng khí CNG.

Nhìn chung, Công ty có ưu thế vượt trội so với các doanh nghiệp kinh doanh nhiên liệu truyền thống, đặc biệt trong tương lai ưu thế này càng rõ hơn khi mà sự phát triển của nền kinh tế xã hội đòi hỏi phải là sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

“ Toàn thể cán bộ, công nhân viên CNG quyết tâm hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra vì sự phát triển bền vững ”

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

CNG VIETNAM HOẠT ĐỘNG THEO MÔ HÌNH CÔNG TY CỔ PHẦN THEO CƠ CẤU TỔ CHỨC TRỰC TUYẾN CHỨC NĂNG.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua. CNG VIETNAM có cơ cấu tổ chức như sau:



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **VŨ TUẤN NGỌC**
Chủ tịch HĐQT
Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn:
- Kỹ sư Kinh tế

Đại diện sở hữu cổ phần: **5.662.663**
Cổ phần nắm giữ: **69.030**



Ông **ĐẶNG VĂN VĨNH**
Thành viên HĐQT kiêm TGD
Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn:
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Đại diện sở hữu cổ phần: **3.648.000**
Cổ phần nắm giữ: **68.246**



Ông **VŨ QUÝ HIỆU**
Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn:
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Đại diện sở hữu cổ phần: **5.593.600**
Cổ phần nắm giữ: **24.928**



Ông **CHRISTOPHER ĐỖ NGHĨA**
Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1959

Trình độ chuyên môn:
- Kỹ sư Cơ khí

Đại diện sở hữu cổ phần: **5.178.759**
Cổ phần nắm giữ: **57.432**



Bà **LÊ THỊ THU GIANG**
Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn:
- Cử nhân Tài chính kế toán
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Đại diện sở hữu cổ phần: **0**
Cổ phần nắm giữ: **21.625**

GIỚI THIỆU
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC & KẾ TOÁN TRƯỞNG

Những thay đổi trong Ban điều hành:
Thay đổi Tổng giám đốc: Không;
Thay đổi phó Tổng giám đốc: Không;
Thay đổi Kế toán trưởng: Ngày 07/10/2013 Hội đồng Quản trị Công ty ra Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT về việc miễn nhiệm ông Ngô Duy Trọng thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty; bổ nhiệm ông Ngô An Hòa giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.



Ông **ĐẶNG VĂN VĨNH**
Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn:
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Đại diện sở hữu cổ phần: **3.648.000**
Cổ phần nắm giữ: **68.246**



Ông **BÙI VĂN ĐẢN**
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật
Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn:
- Kỹ sư Công nghệ Dầu khí
- Cử nhân Anh văn

Cổ phần nắm giữ: **14.196**



Ông **TRẦN QUANG ĐÁN**
Phó Tổng Giám đốc KHĐT
Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn:
- Kỹ sư Máy xây dựng
- Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

Cổ phần nắm giữ: **55.542**



Bà **NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI**
Phó Tổng Giám đốc Tài chính
Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn:
- Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
- Cử nhân Tài chính kế toán

Cổ phần nắm giữ: **11.610**



Ông **NGÔ AN HÒA**
Kế toán trưởng
Năm sinh: 1984

Trình độ chuyên môn:
- Cử nhân Kinh tế

Cổ phần nắm giữ: **11.762**

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà **TRẦN THỊ THU HIỀN**
Trưởng Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn:
- Cử nhân Kế toán
- Cử nhân Luật

Cổ phần nắm giữ: **3.354**



Bà **PHẠM THỊ LOAN PHƯỢNG**
Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1988

Trình độ chuyên môn:
- Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Cử nhân Kế toán

Cổ phần nắm giữ: **4.086**

“ Công tác đào tạo được Công ty xác định là mục tiêu quan trọng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ cho các dự án mới của Công ty. ”

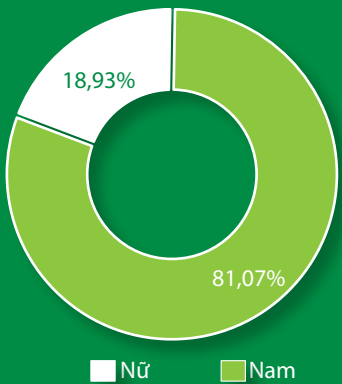
TỔNG SỐ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CNG VIETNAM QUA CÁC NĂM



TRÌNH ĐỘ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CNG VIETNAM

Trình độ	Người
Thạc Sĩ	3
Đại học	73
Cao đẳng	12
Trung cấp	24
CNKT	29
Sơ cấp, Trung học CN	3
Lái xe	28
LĐPT	3

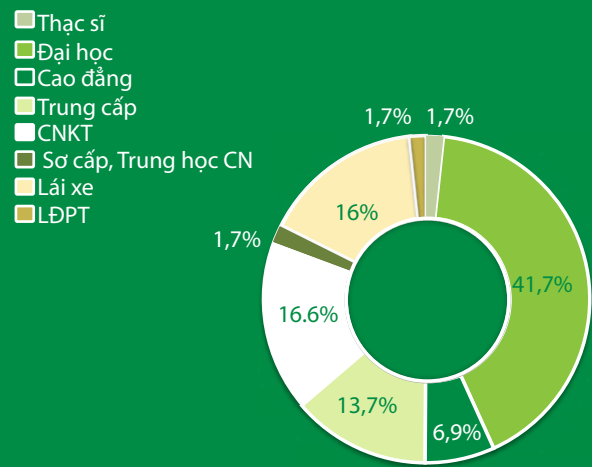
Cơ cấu lao động theo giới tính



TỔNG SỐ LAO ĐỘNG
175
NGƯỜI

trong đó:
NAM: 143 người
NỮ: 32 người

TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN NĂM 2013



TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

“ Trong năm 2013, các chủ trương chính sách của Nhà nước liên quan đến người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ, góp phần không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động ”

CÔNG TÁC LAO ĐỘNG

Số lượng lao động của Công ty không ngừng tăng lên qua các năm. Số lượng CB-CNV tính đến hết 31/12/2013 là 175 người.

Chính sách đối với người lao động: Trong năm 2013, các chủ trương chính sách của Nhà nước liên quan đến người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ, góp phần không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, cụ thể như sau:

Về việc làm và đảm bảo việc làm: 100% người lao động trong Công ty được bố trí việc làm đầy đủ, phù hợp với trình độ chuyên môn và ổn định lâu dài. Công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty được thực hiện căn cứ định biên lao động được HĐQT Công ty phê duyệt, quy trình tuyển dụng nhân sự của Công ty.

Thời gian làm việc, nghỉ ngơi:

- » Hiện nay, Công ty đang áp dụng chế độ làm việc đảm bảo thời gian làm việc không vượt quá 48 giờ/tuần, tuân thủ đúng quy định của Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể.
- » Quản lý và tổ chức làm thêm, tăng ca đối với người lao động không vượt quá 200 giờ/người/năm theo đúng quy định của Nhà nước và Công ty.
- » Người lao động được bố trí nghỉ đầy đủ vào các ngày Lễ, Tết và các ngày nghỉ hưởng nguyên lương. Đối với các trường hợp người lao động đi làm trùng vào các ngày nghỉ này được tính làm thêm giờ theo quy định của Luật lao động.

Về tiền lương

- » Công ty thực hiện việc phân bổ quỹ lương, chi trả tiền lương, tiền thưởng hàng tháng, quý, năm cho người lao động được gắn với kết quả công việc, kết quả sản xuất kinh doanh và tuân thủ theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty. Tiền lương bình quân của người lao động là 14,5 triệu đồng/người/tháng.
- » Thực hiện điều chỉnh lương chức danh cho người lao động trong Công ty kịp thời, gắn với kết quả thực hiện công việc và chính sách thu hút lao động có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý giỏi, động viên khuyến khích kịp thời người lao động có thành tích xuất sắc.
- » Xét điều chỉnh lương cơ bản hàng năm cho người lao động theo đúng quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định khác của Công ty và Nhà nước.
- » Trích nộp BHXH, mua Bảo hiểm con người:
 - Công ty trích nộp đầy đủ và kịp thời tiền BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động trong năm 2013
 - Giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động đầy đủ: nghỉ thai sản, ốm đau, tử tuất, trợ cấp thất nghiệp, ...
 - Công ty mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật) cho người lao động với các mức trách nhiệm từ 50 – 150 triệu/người/vụ.



- » Phúc lợi, và các chế độ khác cho người lao động: Công ty thực hiện trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và thực hiện theo đúng thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác cho người lao động như sau:

- Thực hiện đầy đủ các quy định về hiếu, hỷ cho người lao động theo chính sách phúc lợi của Công ty.
- Thực hiện việc bồi dưỡng hiện vật cho người lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty.
- Tặng quà các ngày kỷ niệm thành lập Công ty, ngày truyền thống Dầu khí Việt Nam, ngày Lễ, Tết Dương lịch, Tết Âm lịch.
- Trang bị đồng phục, trang phục, phù hiệu cho người lao động trong Công ty.
- Hàng năm, Công ty tổ chức đi tham quan du lịch cho người lao động theo Quy chế Tổ chức tham quan du lịch.
- Tổ chức các hoạt động cho con em người lao động như: Tặng quà nhân ngày 1/6, tặng quà và tổ chức vui chơi Trung thu, tặng quà cho con em CB-CNV đạt kết quả cao trong học tập.

Công ty thực hiện việc phân bổ quỹ lương, chi trả tiền lương, tiền thưởng hàng tháng, quý, năm cho người lao động gắn với kết quả công việc, kết quả sản xuất kinh doanh và tuân thủ theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty. Tiền lương bình quân của người lao động là 14,5 triệu đồng/người/tháng.

- Tạo điều kiện cho người lao động được tham gia các phong trào văn hóa, thể thao, dã ngoại, vui chơi giải trí nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho CB-CNV.

Về Đào tạo

- » Công tác đào tạo được Công ty xác định là mục tiêu quan trọng nhằm nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn của người lao động, phát triển nguồn nhân lực để phục vụ cho các dự án mới của Công ty;
- » 100% người lao động được đào tạo, phổ biến thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, Văn hóa doanh nghiệp, Quy định về BHLĐ và an toàn lao động trước khi ký Hợp đồng lao động (HĐLĐ) với Công ty.

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
Tổng quan kết quả hoạt động
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
Tình hình tài chính

lấy chất lượng làm mục tiêu

Sự phát triển vững mạnh luôn gắn liền với chất lượng, dịch vụ sản phẩm. CNG không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm phục vụ tối ưu mọi nhu cầu của khách hàng, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và gắn kết lâu dài với khách hàng.



TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả thực hiện trong 2013 là một minh chứng khẳng định năng lực, tâm huyết của Ban lãnh đạo và đội ngũ CB-CNV của Công ty. Ngoài những điều kiện thuận lợi như giá bán CNG cao hơn giá kế hoạch, tỷ giá đồng USD vẫn giữ ở mức cao thì Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ kịp thời từ PVGas, PVGas South. Chính những yếu tố này đã giúp CNG VIETNAM hoàn thành tốt. Các chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh cụ thể như sau:

STT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Kế hoạch	Năm 2013		Năm 2012	
				Thực hiện	Tỷ lệ KH/TH	Thực hiện	Tỷ lệ 2013/2012
1	Sản lượng khí tiêu thụ	Sm ³	60.000.000	62.310.447	104,00%	53.052.649	117,50%
		MMBTU	2.439.024	2.524.040	103,00%	2.137.135	118,10%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	885,73	969,89	109,00%	822,36	117,90%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	751,77	830,86	110,50%	690,13	120,40%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	133,96	139,03	104,00%	132,23	105,10%
5	Thuế TNDN	Tỷ đồng	13,40	15,13	113,00%	14,31	105,70%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	120,56	123,9	103,00%	117,93	105,10%



Trong năm 2013, bên cạnh thắt chặt mối quan hệ với các khách hàng hiện tại, Công ty đã tập trung tìm kiếm nguồn khách hàng mới, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, quảng bá hình ảnh CNG VIETNAM. Từ những nỗ lực ấy, sản lượng tiêu thụ khí CNG đạt 62 triệu Sm³, tăng 17,5% so với năm 2012.

Tổng chi phí trong năm tăng 20.4%, ở mức 830,86 tỷ đồng, ngoài chi phí bán hàng và chi phí quản lý, chi phí tăng lên chủ yếu đến từ giá khí đầu vào tăng 10% so với năm 2012.

Thêm vào đó, trong năm 2013, chi phí khấu hao tiếp tục tăng 9,7% so với năm 2012, và đạt ở mức 132 tỷ đồng. Dự kiến trong những năm tới, một số máy móc thiết bị sẽ hết khấu hao và lợi nhuận công ty sẽ được cải thiện đáng kể.

Như vậy kết thúc năm tài chính 2013, tổng doanh thu Công ty đạt 969,89 tỷ đồng, tăng 117,9% so với kết quả năm 2012, vượt 9% kế hoạch đề ra. Về lợi nhuận, Công ty đạt 123,9 tỷ lợi nhuận sau thuế, hoàn thành 103% kế hoạch đề ra, tương ứng với EPS đạt 4.736 đồng trên mỗi cổ phần.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Hoàn thành các dự án chuyển tiếp từ năm 2012, bao gồm:

- » Dự án đầu tư bổ sung 03 bồn CNG;
- » Mua lại cơ sở hạ tầng của DMC tại Phú Mỹ;
- » Dự án 03 trạm trung tâm (tại Long Tai, Kumho, American Home).

Các dự án trong năm 2013:

- » Dự án góp vốn “Xây dựng văn phòng làm việc”: Hoàn thành và đưa vào sử dụng từ ngày 10/01/2014;

- » Dự án 3 trạm trung tâm: Công ty đang thực hiện 01 trạm, 02 trạm còn lại sẽ tiếp tục thực hiện trong năm 2014;
- » Dự án URC 2: Đã hoàn thành và cấp khí cho khách hàng từ tháng 5/2013;
- » Dự án “Đầu tư phát triển thị trường”: Trong năm 2013 Công ty đã hoàn thành việc ký hợp đồng mua 01 máy nén CNG và 03 bồn CNG 250 bar và sẽ đưa vào sử dụng trong tháng 03/2014. Dự án sẽ được tiếp tục thực hiện trong năm 2014



TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN

Tổng vốn giải ngân trong năm 2013: 17,33 tỷ đồng, trong đó:

Năm 2012 chuyển sang: 14,78 tỷ đồng, gồm:

- » Mua 03 bồn: 4,66 tỷ đồng;
- » Mua lại cơ sở hạ tầng của DMC: 5,81 tỷ đồng;
- » 3 trạm trung tâm: 4,31 tỷ đồng;

Năm 2013: Dự án URC 2: 2,55 tỷ đồng.



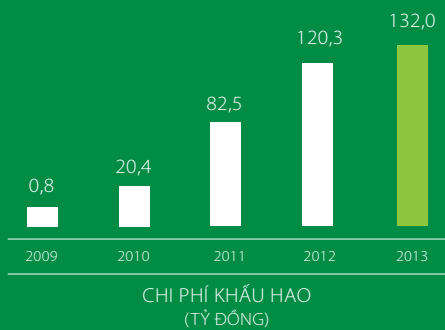
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Trong năm 2013, CNG VIETNAM vẫn không ngừng tăng trưởng và phát triển không chỉ về doanh thu và lợi nhuận mà còn về qui mô vốn và tài sản nhằm đáp ứng kịp thời cho nhu cầu sản xuất kinh doanh ngày càng lớn của Công ty.

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu chính	2012	2013	Thay đổi
Kết quả kinh doanh			
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh khí	801,2	949,8	18,5%
Lợi nhuận gộp	185,0	205,5	11,1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	135,5	139,8	3,1%
Tài sản			
Tổng tài sản	623,7	628,1	0,7%
Tài sản ngắn hạn	316,4	451,0	42,5%
Tổng tài sản cố định	225,2	97,5	-56,7%
Khấu hao trong năm	120,3	132,0	9,7%
Nguồn vốn			
Tổng nợ phải trả	243,2	184,6	-24,1%
Tổng nợ vay	130,0	69,9	-46,2%
Tổng vốn chủ sở hữu	380,6	443,5	16,5%
Lưu chuyển tiền tệ			
Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	176,4	210,4	19,3%
Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-78,6	67,9	-
Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính	-191,8	-113,8	-
Lưu chuyển tiền tệ thuần	-94,0	164,5	-

Trong những năm gần đây, Công ty đã có chính sách khấu hao nhanh để thực hiện chiến lược kinh doanh hiệu quả bền vững.



PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG

Khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty ở mức rất an toàn và tăng mạnh trong năm nay. Tỷ số thanh toán nhanh và thanh toán hiện hành luôn lớn hơn 1 trong những năm qua và ngày càng thể hiện tốt. Do hàng tồn kho của Công ty không lớn nên chênh lệch giữa chỉ số thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh của Công ty không đáng kể. Với giá trị tiền và các khoản tương đương tiền là 249,8 tỷ đồng, tỷ lệ trên tổng tài sản đạt mức 39,8%, Công ty luôn được đảm bảo trong trạng thái an toàn đối với các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Năng lực hoạt động

Kỳ lưu kho bình quân: Thời gian lưu kho bình quân tăng nhẹ từ 9,3 ngày lên 11 ngày trong năm 2013. Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm khí CNG cho các hộ tiêu thụ tại các khu công nghiệp từ đường ống dẫn khí và các xe vận chuyển chuyên dụng cho khách hàng đăng ký sử dụng trước, nên công tác dự trữ lượng khí tồn kho của Công ty luôn được tính toán và cập nhật kịp thời bằng hệ thống tính toán hiện đại, vì vậy giá trị hàng tồn kho của Công ty là khá thấp, năm 2013 là 23,2 tỷ đồng. Hàng tồn kho luôn chiếm tỷ trọng thấp và ổn định trên tổng tài sản của Công ty, tỷ lệ trên tổng tài sản là 3,7% tăng nhẹ so với mức 3,4% trong năm 2012.

Kỳ phải thu bình quân: Khoản phải thu chiếm 26,8% tổng tài sản, giữ mức ổn định so với năm 2012, giá trị phải thu là 168,6 tỷ đồng tăng 7,8% mặc dù doanh thu tăng trưởng 18,5%. So với năm 2012, kỳ thu tiền bình quân giảm 4,2 ngày thể hiện hiệu quả trong công tác thu hồi công nợ,

tránh nợ xấu và duy trì ổn định hoạt động. Tuy nhiên so với giai đoạn trước đây, kỳ phải thu của Công ty đã tăng lên do gia hạn thời gian thanh toán nhằm chia sẻ một phần gánh nặng với các khách hàng lớn tại CNG VIETNAM trong giai đoạn khó khăn chung của nền kinh tế.

Kỳ trả tiền bình quân: Từ mức 113 ngày trong năm 2012, kỳ phải trả đã giảm xuống còn khoảng 89 ngày. Công ty luôn cố gắng duy trì thanh khoản cao cho dòng tiền HĐKD nhưng đồng thời vẫn thanh toán đúng hạn cho nhà cung cấp. Điều này tạo ra uy tín cho Công ty đối với nhà cung cấp. Tuy nhiên, điểm tích cực là khả năng chiếm dụng vốn của Công ty ở khá tốt thể hiện qua chênh lệch giữa kỳ trả tiền và thu tiền trong năm nay khoảng 1 tháng, tạo ra lợi thế sử dụng vốn lưu động cho Công ty.

Vòng quay tổng tài sản: Vòng quay tổng tài sản tăng từ mức 1,2 lần lên 1,5 lần. Mặc dù tổng tài sản tăng nhẹ 0,7% nhưng doanh thu tăng với tốc độ 18,5%. Điều này chứng tỏ hiệu quả quản lý tài sản của Công ty ngày càng cải thiện.

Nhìn chung các khoản phải thu, phải trả, hàng tồn kho nói riêng và tài sản nói chung được Công ty quản lý hiệu quả trong năm vừa qua.

Khả năng sinh lời

Tỷ suất lợi nhuận: Các tỷ suất lợi nhuận giảm nhẹ qua các năm do chi phí tăng mạnh 20,4% so với năm 2012, chủ yếu là do giá khí đầu vào và chi phí khấu hao tăng cùng với chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh so với 2012. Các chỉ tiêu về sản lượng tiêu thụ và lợi nhuận đã khẳng định sự tăng trưởng của Công ty sẽ tiếp tục tạo hiệu ứng phát triển cho những năm sau. Đối với chi phí khấu hao, trong năm 2014, một số máy móc, thiết bị sẽ hết khấu hao, điều này sẽ làm cho lợi nhuận sẽ được cải thiện đáng kể.

“ Trong năm 2013, CNG VIETNAM vẫn không ngừng tăng trưởng và phát triển không chỉ về doanh thu và lợi nhuận mà còn về qui mô vốn và tài sản nhằm đáp ứng kịp thời cho nhu cầu sản xuất kinh doanh ngày càng lớn của Công ty. ”

04
KHÁCH HÀNG
DOANH NGHIỆP MỚI



+118%
TỔNG DOANH THU

-46%
TỔNG NỢ VAY

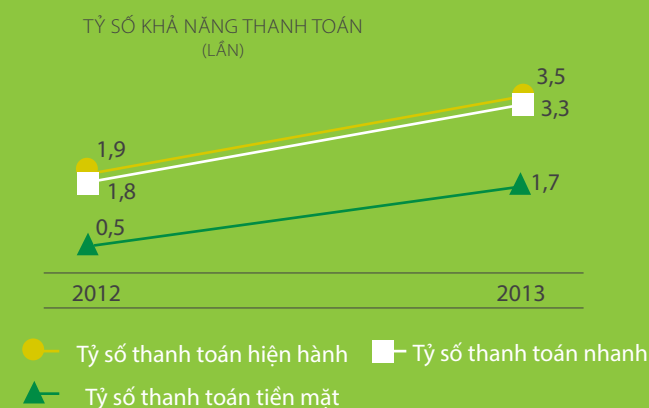
Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG VIETNAM đặt tại KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu Sm³ khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đã đưa vào vận hành từ ngày 03/09/2008.

LỢI NHUẬN SAU THUẾ 2013

123,9

TỶ ĐỒNG

HOÀN THÀNH 103% KẾ HOẠCH



+17,5%
SẢN LƯỢNG KHÍ TIÊU THỤ

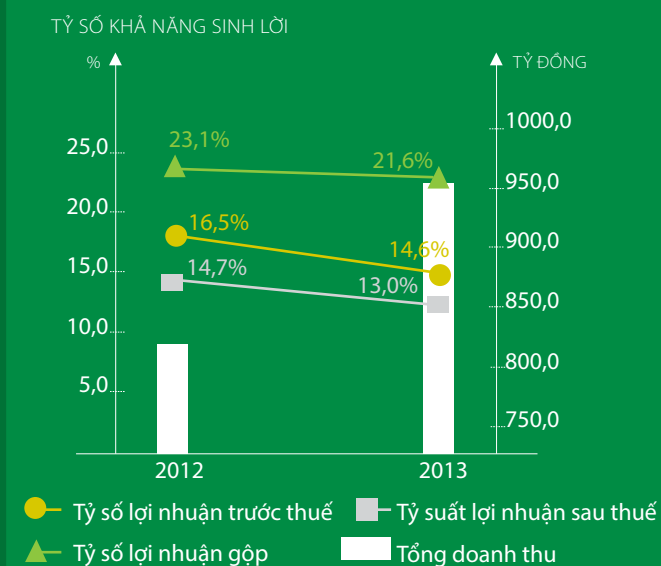
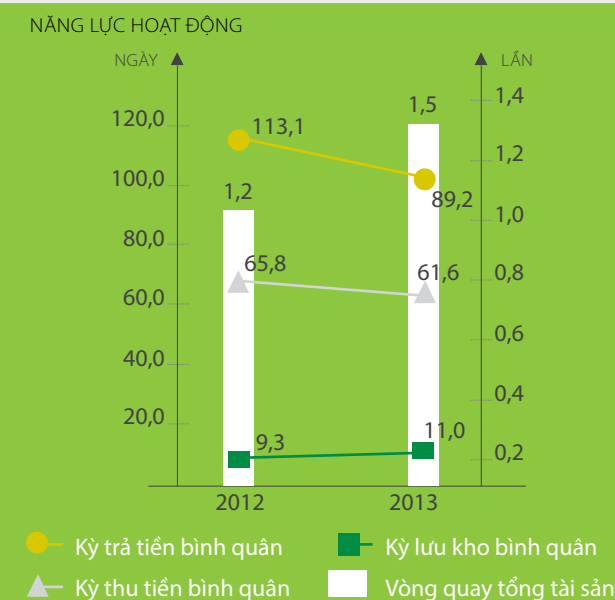
-24%
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ

EPS 2013

4.736

ĐỒNG

MỖI CỔ ĐỒNG



3

BÁO CÁO BAN LÃNH ĐẠO

Báo cáo của BGD

Báo cáo của HĐQT

Định hướng phát triển

Kế hoạch năm 2014

Các giải pháp thực hiện

Trách nhiệm đối với môi trường

Trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội

lấy thị trường làm định hướng

Thực hiện phương châm phát triển theo hướng đa dạng hóa mô hình kinh doanh, CNG luôn chú trọng đến việc phân tích, đánh giá thị trường nhằm đẩy mạnh phát triển thị trường tiềm năng, tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

“ Năm 2013 được đánh giá là vẫn còn nhiều khó khăn của nền kinh tế, tuy nhiên với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo của Công ty và toàn thể cán bộ công nhân viên, các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh của Công ty đều hoàn thành vượt mức kế hoạch. ”



ĐẶC ĐIỂM TÍNH HÌNH CHUNG

Năm 2013 được đánh giá là vẫn còn nhiều khó khăn của nền kinh tế, tuy nhiên với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty và toàn thể cán bộ công nhân viên, các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh của Công ty đều tăng trưởng tốt.

Về mặt thuận lợi, từ lúc bắt đầu hoạt động đến nay, nguồn khí đầu vào của Công ty luôn ổn định và đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho khách hàng. Ban Giám Đốc luôn nhận được sự hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của PV Gas South và Hội đồng Quản trị Công ty. Tổ chức, nhân sự của Công ty luôn ổn định, tạo ra sự đồng thuận cao trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Thực hiện tốt các quy trình và giám sát chặt chẽ, các loại máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển đảm bảo hoạt động ổn định đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh.

Về những yếu tố không thuận lợi, các yếu tố này chủ yếu đến từ nhu cầu tiêu thụ sản phẩm khí của Công ty. Do tình

hình kinh tế thế giới và trong nước còn gặp nhiều khó khăn nên hầu hết khách hàng thu hẹp sản xuất, dẫn đến sản lượng tiêu thụ khí CNG giảm hơn so với đăng ký ban đầu. Các thiết bị chính đến thời kỳ cần bảo dưỡng, sửa chữa nhiều, đòi hỏi chi phí bảo dưỡng sửa chữa cao.

Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh Công ty đã hoàn thành như sau:

- » Sản lượng: 62.310.447 Sm³, đạt 104% so với kế hoạch;
- » Tổng doanh thu: 969,89 tỷ đồng, đạt 109% so với kế hoạch;
- » Tổng chi phí: 830,86 tỷ đồng, đạt 110% so với kế hoạch;
- » Lợi nhuận trước thuế: 139,03 tỷ đồng, đạt 104% so với kế hoạch;
- » Lợi nhuận sau thuế: 123,9 tỷ đồng đạt 103% so với kế hoạch.

NHỮNG THÀNH QUẢ NỔI BẬT

Trong năm 2013, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 213,28 tỷ lên 270,00 tỷ đồng, điều này vừa đảm bảo Công ty có thêm nguồn vốn để chuẩn bị cho đầu tư vào hoạt động kinh doanh sắp tới khi thị trường tiếp tục có sự cải thiện. Đối với khách hàng tiêu thụ sản phẩm khí của Công ty, trong năm 2013 Công ty đã ký kết hợp đồng với 04 khách hàng mới, các hợp đồng khí sẽ được cung cấp vào Quý I năm 2014, các khách hàng mới sẽ góp phần làm tăng sản lượng khí tiêu thụ của Công ty.

TÍNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng			
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2011	2012	2013
TÀI SẢN NGẮN HẠN	396.382	316.418	510.957
Tiền và các khoản tương đương tiền	179.294	85.305	249.842
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	62.550	55.100	65.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	136.600	152.125	168.577
Hàng tồn kho	10.006	21.501	23.173
Tài sản ngắn hạn khác	7.933	2.387	4.366
TÀI SẢN DÀI HẠN	308.892	307.314	177.186
Tài sản cố định	292.344	225.198	97.487
Tài sản cố định hữu hình	248.983	191.758	82.058
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	-	60.000	
Tài sản dài hạn khác	16.548	22.117	19.699
TỔNG TÀI SẢN	705.274	623.732	628.143
NỢ PHẢI TRẢ	317.510	243.165	184.645
Nợ ngắn hạn	207.355	166.426	147.459
Vay ngắn hạn	61.947	60.184	39.660
Phải trả người bán	103.072	91.396	90.995
Nợ dài hạn	110.155	76.740	37.186
Vay dài hạn	110.079	69.785	30.231
VỐN CHỦ SỞ HỮU	387.764	380.567	443.498
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	203.120	213.276	270.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.696	1.696	1.696

“ Bên cạnh đặc thù kinh doanh lĩnh vực khí, Công ty cũng duy trì mức hàng tồn kho thấp trong cơ cấu tài sản nhằm hạn chế tình trạng ứ đọng vốn ”

PHÂN TÍCH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Cơ cấu tài sản

Hết năm 2013, giá trị tổng tài sản của Công ty là 628,1 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,7% so với năm 2012. Trong tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương tiền cùng với các khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn. Tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 39,8% tổng tài sản, tăng trưởng gần gấp 3 lần so với năm 2012. Điều này tạo ra lợi thế trong việc chủ động công tác đầu tư của Công ty. Bên cạnh đặc thù kinh doanh lĩnh vực khí, Công ty cũng duy trì mức hàng tồn kho thấp trong cơ cấu tài sản nhằm hạn chế tình trạng

ứ đọng vốn. Cơ cấu tài sản chuyển dịch từ sự cân bằng trong tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn sang việc chiếm ưu thế của tài sản ngắn hạn. Các khoản phải thu của Công ty đều được đảm bảo khả năng thanh toán do Công ty luôn nắm bắt tình hình tài chính cũng như uy tín trong kinh doanh của khách hàng. Năm 2013, Công ty đã không phải trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi. Mặc dù chính sách khấu hao nhanh làm giá trị tài sản cố định Công ty giảm mạnh nhưng hoạt động kinh doanh hiệu quả đã mang lại lượng tiền và tương đương tiền lớn cho Công ty.

Cơ cấu nguồn vốn

Cơ cấu tài sản của Công ty đang dần ổn định theo hướng giảm mạnh về nợ vay qua các năm sau giai đoạn đầu khi đầu tư nhà máy CNG Phú Mỹ trong những năm trước. So với năm 2012, tổng nguồn vốn của Công ty tăng nhẹ 0,7% lên 628,1 tỷ đồng, tuy nhiên tỷ lệ nợ vay trên tổng tài sản giảm đáng

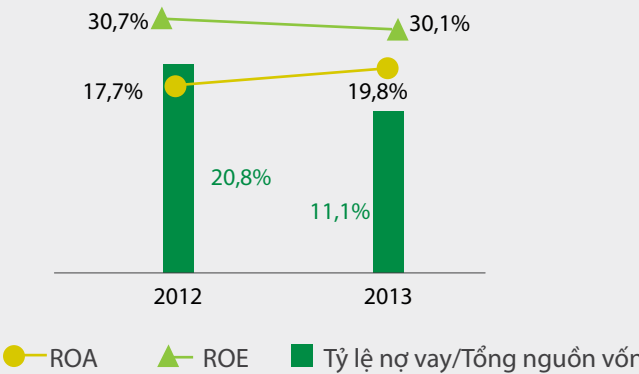
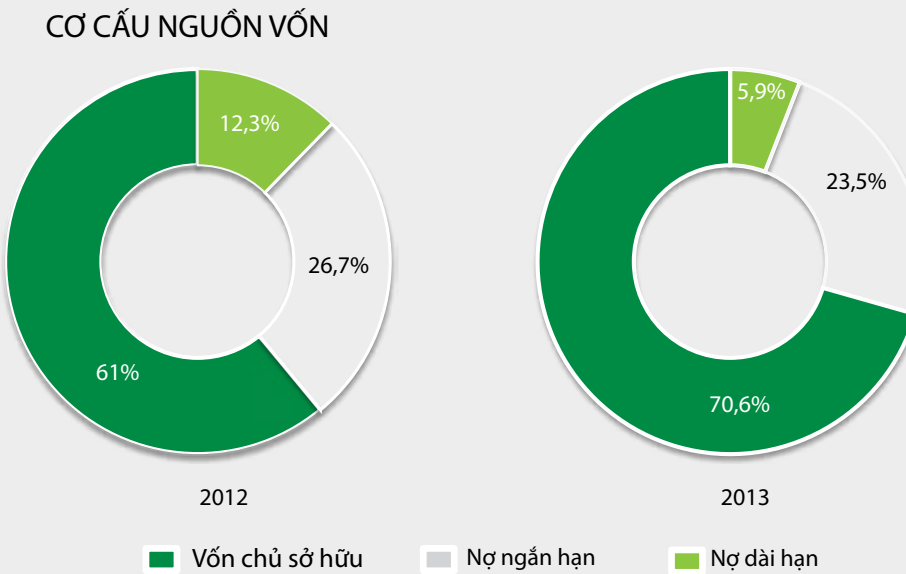
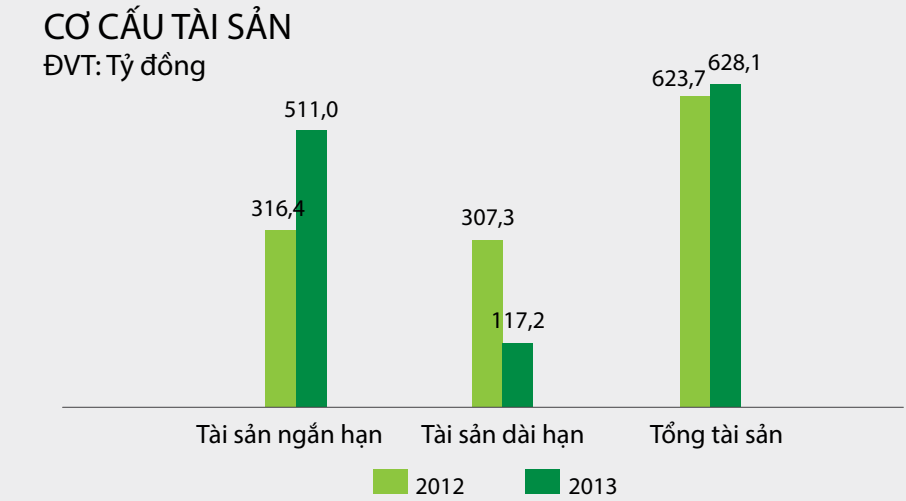
kể từ 20,8% trong năm 2012 xuống còn 11,1% với tổng cộng dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn khoảng 70 tỷ đồng, giảm 46,2% so với năm 2012. Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn giảm từ 39% xuống 29,4% do nợ vay của Công ty giảm mạnh trong năm. Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tăng trưởng tốt do lợi nhuận đến từ hoạt động kinh doanh hiệu quả.

LỢI NHUẬN GỘP 2013
205,5
TỶ ĐỒNG
TĂNG 11,1% SO VỚI 2012

Hiệu quả sử dụng tài sản và nguồn vốn

Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản của Công ty có sự cải thiện nhẹ so với năm 2012, tỷ suất ROA đạt 19,8%, tăng 2,0% so với năm 2012. Trong khi đó tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu có sự giảm nhẹ xuống mức 30,1%. Nhìn chung các tỷ số sinh lời của Công ty vẫn ở mức cao và hấp dẫn đối với nhà đầu tư.

PHÂN TÍCH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2013, Ban quản trị Công ty đã bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT độc lập, tiếp nhận và bổ nhiệm 01 Kế toán trưởng, 01 phó phụ trách Phòng Bảo dưỡng sửa chữa và 01 phó phụ trách phòng Vận chuyển.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2014

Các chỉ tiêu chính

- » Triển khai thực hiện dự án 2 trạm phân phối khí trung tâm;
- » Thực hiện đầu tư 2 trạm PRU cho khách hàng mới;
- » Thực hiện đầu tư dự án “Phát triển thị trường”;
- » Tăng số lượng khách hàng lên 32 khách hàng;
- » Tăng sản lượng tiêu thụ lên 70 triệu Sm³ khí/ năm.

Trong năm 2014, việc tiếp tục duy trì tốt mối quan hệ thân thiết với khách hàng, có chính sách hỗ trợ cho từng khách hàng, trong từng giai đoạn là ưu tiên của CNG VIETNAM. Công ty sẽ tiếp tục triển khai các mô hình kinh doanh bán hàng thông qua đường ống từ một khách hàng dẫn sang nhiều khách hàng khác trong khu vực. Mô hình này rất hiệu quả vì có thể bán cho nhiều hộ tiêu thụ có sản lượng tiêu thụ thấp, ngoài ra còn giúp CNG VIETNAM giảm chi phí đầu tư và chi phí vận hành. Bên cạnh đó, Công ty phát triển nguồn khách hàng theo hướng đa dạng hoá nhằm giảm sự phụ thuộc vào nhóm khách hàng sản xuất vật liệu xây dựng đang gặp nhiều khó khăn. Công tác bán hàng, khảo sát nhu cầu tại các khu công nghiệp (KCN) và tiếp cận các khách hàng tiềm năng sẽ được tiếp tục đẩy mạnh nhằm tìm kiếm những khách hàng mới.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



“ Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đã luôn luôn theo sát các hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời chủ động nghiên cứu các biến động của thị trường để định hướng tình hình thực tế tại Công ty ”

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013

Mặc dù kinh tế trong nước và thế giới có những dấu hiệu phục hồi hơn năm 2012, nhưng trong năm 2013 sự cải thiện của nền kinh tế chung vẫn còn chậm, điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của CNG VIETNAM. Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đã luôn luôn theo sát các hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời chủ động nghiên cứu các biến động của thị trường để định hướng với tình hình thực tế tại Công ty. Do đó, kết quả đạt được của năm 2013 của CNG VIETNAM rất khả quan.

Đánh giá công tác sản xuất và an toàn trong sản xuất

Trong hoạt động kinh doanh của mình,

CNG VIETNAM luôn đặt công tác an toàn trong sản xuất, vận chuyển và phân phối lên hàng đầu. Công ty luôn không ngừng duy trì và cải tiến phương pháp vận hành nhằm tạo ra kết quả sản xuất tối ưu và an toàn nhất. Công ty đã và đang áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý an toàn theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2005 vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đánh giá về công tác Đầu tư Xây dựng cơ bản

Trong năm 2013, trên cơ sở kế hoạch được HĐQT phê duyệt, Ban Kiểm Soát đã thực hiện kiểm tra giám sát đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản năm 2013 và 2014 là 176,44 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- » HĐQT đã phê duyệt bổ sung dự án “Đầu Tư Phát triển Thị trường” cho năm 2013 2014 với tổng mức đầu tư 113,19 tỷ đồng: Bao gồm mua 20 bồn chứa CNG, 40ft, vật liệu thép; 02 máy nén khí CNG, thi công lắp đặt 02 máy nén khí CNG và Hệ thống cấp khí cho khách hàng;
- » Phê duyệt dự án 3 trạm trung tâm với tổng mức đầu tư 41,71 tỷ đồng;
- » Phê duyệt Dự án URC2 với tổng mức đầu tư 5,55 tỷ đồng;
- » Phê duyệt Dự án văn phòng làm việc 15,99 tỷ đồng;

Tuy nhiên, căn cứ vào nhu cầu thực tế sử dụng khí của các khách hàng, tổng mức đầu tư năm 2013 chỉ đạt 15,36 tỷ đồng.

Đánh giá công tác quản lý tài chính

Năm 2013, bộ phận tài chính kế toán đã tham mưu cho Ban điều hành triển khai tốt các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, xây dựng nhiều giải pháp để thu tiền hàng, đối chiếu công nợ, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, tính toán, cân đối hợp lý nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để phát huy hơn nữa vai trò kiểm tra, kiểm soát và tham mưu cho Hội đồng Quản trị nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện chính sách tiền tệ luôn thay đổi, quy mô tài sản của Công ty ngày càng lớn, công tác tài chính chú trọng những vấn đề sau:

- » Luôn chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn như: Công tác

thu hồi công nợ được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi, khống chế công nợ thực hiện trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- » Phối hợp với các Ban, nhà máy để hoạch định nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- » Phối hợp thực hiện công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo đúng các quy định của Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- » Thực hiện việc phân tích kinh tế định kỳ nhằm kịp thời tham mưu cho Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đánh giá về công tác tổ chức và nhân sự

Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc trả lương, thưởng và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho hơn 175 lao động, tăng quỹ lương và mức thu nhập bình quân đầu người từ 13 triệu đồng năm 2012 lên 14,5 triệu đồng năm 2013.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) đã tuân thủ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại Đồng Hội Cổ Đông (ĐHĐCĐ), các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong công tác quản lý và điều hành. Ban TGD đã chỉ đạo các bộ phận liên quan để hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đề ra.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Dựa trên hoạt động kinh doanh cốt lõi, những thành tích đã đạt được và nhận định về thị trường trong giai đoạn tiếp theo, Hội Đồng Quản trị đã đưa ra kế hoạch và định hướng phát triển của CNG VIETNAM như sau:

- » Xây dựng và phát triển Công ty CP CNG Việt Nam bền vững, trở thành nhà cung cấp khí CNG, LNG hàng đầu ở Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ CNG, LNG.
- » Xây dựng và phát triển thương hiệu CNG VIETNAM trở thành một thương hiệu có uy tín trong nước và khu vực.
- » Đa dạng hóa các mô hình kinh doanh, đa dạng hóa khách hàng sử dụng CNG.
- » Đa dạng hóa nguồn vốn, huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau có hiệu quả.
- » Mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ CNG, đón đầu tiêu thụ LNG tại khu vực Nam Bộ;
- » Duy trì, cải tiến và áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý an toàn, chất lượng, môi trường vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- » Tuân thủ các quy định của pháp luật về nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán nhằm công khai minh bạch thông tin đến các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- » Xây dựng CNG VIETNAM trở thành một doanh nghiệp có thương hiệu mạnh, phạm vi hoạt động khắp cả nước;
- » Phát triển CNG VIETNAM theo hướng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, lấy trọng tâm là sản xuất kinh doanh khí CNG, LNG;
- » Đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn vững, kỹ thuật cao, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ cao của CNG, LNG.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Xây dựng thương hiệu CNG VIETNAM và văn hóa doanh nghiệp

- » Xây dựng chiến lược Marketing ngắn hạn và dài hạn phù hợp với lộ trình phát triển nhằm quảng bá sâu rộng thương hiệu CNG VIETNAM. Từng bước hoàn thiện và nâng cao chất lượng quảng cáo, xúc tiến bán hàng;
- » Tiếp thị và mở rộng thị trường kinh doanh trên toàn quốc. Xây dựng quan hệ hợp tác chiến lược với các đối tác để hỗ trợ, hợp tác cùng phát triển.

Nâng cao năng lực cung ứng

- » Tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và nguồn khí tại nhà máy CNG Phú Mỹ để phát triển thị trường CNG.
- » Nghiên cứu ứng dụng công nghệ LNG qui mô nhỏ (30 triệu Sm³/năm) và đưa vào hoạt động từ năm 2017.

Đầu tư mở rộng nhà máy CNG Phú Mỹ: Tiếp tục nâng công suất nhà máy lên 100 Triệu Sm³/năm vào năm 2015.

Nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng

- » Nhanh chóng kiện toàn tổ chức, hoạch định chiến lược nhân sự để tổ chức tuyển dụng, đào tạo theo lộ trình hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển, mở rộng của Công ty trong từng thời kỳ. Đặc biệt chú ý về lĩnh vực Marketing và nghiên cứu phát triển.

- » Nhanh chóng triển khai tự động hóa, điện tử hóa, ứng dụng khoa học công nghệ, giám sát chặt các khâu, các lĩnh vực quản lý cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm chi phí nguyên, nhiên vật liệu và nhân công, tăng cường năng suất, chất lượng, an toàn và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- » Liên doanh, liên kết với các đối tác có uy tín để nghiên cứu, lựa chọn, áp dụng các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến và ưu việt trong các lĩnh vực hoạt động.

Xây dựng kế hoạch hình thành và phát triển đơn vị dịch vụ với:

- » Trang thiết bị bao gồm nhà xưởng và thiết bị sử dụng công nghệ hiện đại.
- » Đội ngũ cán bộ, kỹ sư và công nhân lành nghề, chuyên nghiệp.
- » Phát triển hệ thống vận chuyển chuyên nghiệp, cung cấp dịch vụ vận chuyển.
- » Thực hiện tốt các hoạt động quảng bá, tiếp thị về CNG/LNG.
- » Quan hệ khách hàng tốt, tạo được niềm tin của khách hàng.
- » Hỗ trợ khách hàng về kỹ thuật, quản lý sử dụng CNG/LNG trong sản xuất.
- » Áp dụng mức giá bán linh hoạt đối với từng thị trường, từng khách hàng, từng thời điểm.
- » Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh.



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

CNG VIETNAM là Công ty đầu tiên hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh khí nén thiên nhiên, luôn nhận thức được tầm quan trọng và chú trọng đến việc bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng:

- » Tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước về bảo vệ môi trường;
- » Sử dụng công nghệ tiên tiến, xanh, sạch, thân thiện với môi trường, với mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và giảm thiểu tác động đến môi trường;
- » Xử lý, vận chuyển và thu xếp việc xả thải an toàn các nguyên liệu, sản phẩm và chất thải một cách có trách nhiệm với môi trường.



KẾ HOẠCH NĂM 2014

“ Phát triển theo hướng đa dạng hóa mô hình kinh doanh, khách hàng để sử dụng tối đa nguồn lực; phát huy nội lực, tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, khai thác triệt để lợi thế về sản phẩm CNG. ”

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2014 được CNG VIETNAM xây dựng dựa trên những yếu tố quyết định là sản lượng khí của khách hàng đăng ký sử dụng trong năm 2014, tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2013, công suất của nhà máy và khả năng vận chuyển của Công ty.

Bên cạnh đó, các yếu tố thuận lợi và khó khăn khác cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và tính khả thi trong kế hoạch năm 2014 của Công ty. Về mặt thuận lợi, nguồn khí đầu vào tiếp tục được đảm bảo liên tục, ổn định. Nguồn nhân lực nói chung và đội ngũ kỹ sư, công nhân vận hành nói riêng có tay nghề, trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm dày dặn qua nhiều năm gắn bó cùng Công ty. CNG VIETNAM tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của PVN, PVGas, PVGas South và được sự chỉ đạo sát sao của HĐQT. Tuy nhiên, tình hình kinh tế thế giới và trong nước biến động phức tạp ảnh hưởng đến kế hoạch nhận khí cũng như

Kế hoạch năm 2014

122 tỷ đồng
lợi nhuận trước thuế

giá bán CNG cho các khách hàng. Phần lớn máy móc, thiết bị của Công ty đã hết thời gian bảo hành, một số bồn CNG đến thời hạn cần kiểm định lại.

Các nhiệm vụ trong năm 2014 của Công ty như sau:

- » Sản lượng CNG bán cho khách hàng đạt 70 triệu Sm³ (tăng 16% so với năm 2013)
- » Đảm bảo sản xuất, vận chuyển và phân phối CNG an toàn, liên tục;
- » Tăng cường hiệu quả trong sản xuất kinh doanh (giảm chi phí sản xuất kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận);
- » Mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ CNG, đón đầu tiêu thụ LNG tại khu vực Nam Bộ;
- » Duy trì, cải tiến và áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý an toàn, chất lượng, môi trường vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- » Tuân thủ các quy định của pháp luật về nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán nhằm công khai minh bạch thông tin đến các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Các chỉ tiêu chính

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch
1	Sản lượng	Sm ³	70.000.000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.016,00
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	122,00
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	110,00
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	40,74
6	Hệ số nợ vay/vốn chủ sở hữu	%	38,29
7	Cổ tức	%	35,00

KẾ HOẠCH LAO ĐỘNG

Trong năm 2014 Công ty dự kiến sẽ tăng thêm 04 khách hàng mới. Do đó, kế hoạch lao động sẽ được tuyển dụng theo tình hình thực tế.

Các chỉ tiêu chính

- » Tổng số lao động định biên kế hoạch: 187 người;
- » Lao động bình quân: 178 người;
- » Năng suất lao động bình quân: 5,542 triệu đồng/người/tháng.

Về kế hoạch đào tạo, tiếp tục định hướng nâng cao năng lực cho cán bộ công nhân viên Công ty.

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN



GIẢI PHÁP VỀ SẢN XUẤT, VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI CNG

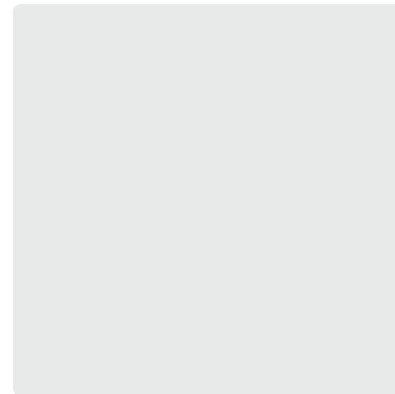
Việc chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ đầy đủ cho công tác sản xuất và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện nhằm đảm bảo máy móc thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất. Chú trọng công tác bảo trì,

bảo dưỡng đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận chuyển luôn tuân theo với quy định của nhà sản xuất và kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa nhằm giảm thiểu thời gian dừng vận hành do sự cố. Công ty sẽ tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho các Cán bộ kỹ thuật Công ty để làm chủ được công tác bảo dưỡng, sửa chữa, xử lý sự cố tất cả các máy móc thiết bị sản xuất. Công ty sẽ tiếp tục triển khai

các biện pháp quản lý an toàn một cách hiệu quả để giảm thiểu tai nạn, sự cố. Trong chiến lược quản trị rủi ro, quyết liệt xử lý và loại bỏ các tình trạng mất an toàn thông qua việc cải tiến, duy trì và áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp An toàn- Chất lượng - Môi trường theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004 vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

GIẢI PHÁP VỀ THỊ TRƯỜNG

Công ty sẽ linh hoạt trong việc chiết khấu giá và có chính sách khuyến khích khách hàng theo từng giai đoạn nhằm tăng sản lượng tiêu thụ, tránh tình trạng khách hàng chuyển sang sử dụng nhiên liệu khác trên nguyên tắc đảm bảo lợi nhuận cho



Công ty và ổn định sản xuất cho khách hàng. Công ty tiếp tục phát triển dịch vụ và công tác hỗ trợ nhằm tạo ra điều kiện tốt nhất cho các khách hàng đã nhận khí. Thị trường khí sẽ phát triển theo hướng đa dạng hóa khách hàng sử dụng CNG nhằm đảm bảo sự ổn định và giảm tính phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định với các chiến lược đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, tìm kiếm khách hàng mới của Công ty. Đối với các hình thức bán hàng, Công ty sẽ vận dụng linh hoạt các hình thức bán hàng như: bán tại hộ tiêu thụ, bán tại nhà máy, qua các trạm trung tâm nhằm phát triển nhanh khách hàng, giảm chi phí đầu tư và nguồn nhân lực trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả và bền vững.

GIẢI PHÁP VỀ ĐẦU TƯ

Nắm bắt triệt để các cơ hội đầu tư, g tránh thất thoát nguồn vốn, tăng cường công tác kiểm soát trong quá trình đầu tư nhằm đảm bảo các dự án được triển khai, hoàn thành đạt chất lượng và đúng tiến độ đề ra. Các thủ tục, hồ sơ sẽ luôn được tiến hành đúng theo quy trình, quy định của Pháp luật và Công ty nhằm loại bỏ các rủi ro về mặt pháp lý.

GIẢI PHÁP VỀ TÀI CHÍNH

Công ty sẽ ưu tiên, chủ động thu xếp các nguồn vốn để phục vụ cho các dự án đầu tư và sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty luôn giám sát chi phí, quản lý công nợ hiệu quả, hạn chế tình trạng nợ quá hạn của khách hàng. Các nguồn vốn, quỹ được sử dụng linh hoạt nhằm tăng thêm thu nhập từ hoạt động tài chính cho Công ty.

GIẢI PHÁP VỀ TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC

Đối với nhân sự đang công tác tại CNG VIETNAM, Công ty sẽ tiến hành rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy, cách thức tổ chức sản xuất nhằm đảm bảo phù hợp với sự phát triển của Công ty trong từng giai đoạn. Tiếp tục duy trì môi trường làm việc gắn với "hiệu quả" nhằm thu hút nguồn lực có trình độ, kinh nghiệm làm việc lâu dài cho Công ty. Các chính sách đãi ngộ đối với người lao động theo hiệu quả công việc, nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Đối với việc tuyển dụng, Công ty tập trung vào nguồn nhân lực có phẩm chất, trình độ, tay nghề, kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu công việc, định hướng phát triển của Công ty.



“ Công ty sẽ ưu tiên, chủ động thu xếp các nguồn vốn để phục vụ cho các dự án đầu tư và sản xuất kinh doanh, giám sát chi phí, quản lý công nợ hiệu quả, hạn chế tình trạng nợ quá hạn của khách hàng ”

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Với vị thế dẫn đầu trong hoạt động cung cấp khí CNG, Công ty từng bước khẳng định mình qua sự tăng trưởng vững chắc về doanh thu, lợi nhuận và quy mô hoạt động. Chúng tôi luôn ý thức được rằng để phát triển và tồn tại lâu dài, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp luôn đưa công tác an toàn lên hàng đầu gắn liền trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng. Do đó mục tiêu “Phát triển bền vững” luôn là kim chỉ nam cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Trách nhiệm với môi trường là nhân tố cốt yếu tạo nên sự phát triển bền vững của bất kỳ doanh nghiệp nào. Công ty là doanh nghiệp tiên phong trong việc phổ biến sản phẩm CNG tại Việt Nam, là giải pháp công nghệ tiên tiến “ĐEM NGUỒN NĂNG LƯỢNG SẠCH TỚI MỌI NƠI” với những đặc điểm nổi bật như:

- » Tiết kiệm chi phí nhiên liệu do giá rẻ hơn các nhiên liệu khác, theo đó góp phần giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp;
- » Giảm chi phí bảo dưỡng máy móc thiết bị so với việc sử dụng dầu FO, DO, than đá.
- » Là nhiên liệu sạch không phát sinh những chất độc hại gây ô nhiễm môi trường khi cháy như CO₂, SO_x, NO_x.
- » Hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao, kéo dài tuổi thọ thiết bị so với những nhiên liệu khác đang được sử dụng phổ biến hiện nay như dầu DO, FO, than đá...;
- » An toàn do sử dụng thiết bị chất lượng cao phù hợp với các tiêu chuẩn của Mỹ và Châu Âu, áp dụng quy trình quản lý và vận hành nghiêm ngặt; Ngoài ra, CNG nhẹ hơn không khí nên nhanh chóng bốc lên cao khi bị rò rỉ, do đó, hạn chế tối đa nguy cơ cháy, nổ do sự tích tụ khí.

Trong các hoạt động sản xuất, vận chuyển và phân phối khí CNG luôn tiềm ẩn những rủi ro. Do đó chúng tôi luôn đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn đã đăng ký và không ngừng cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm thông qua hoạt động giám sát chặt chẽ, tiết giảm tối đa chi phí sản xuất. Chúng tôi luôn tuân thủ luật pháp hiện hành và các yêu cầu khác từ các bên liên quan, các yêu cầu quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường theo Tiêu chuẩn Quốc tế, kiểm soát các nguy hiểm, rủi ro như: tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cháy nổ, hư hỏng tài sản, tác hại môi trường và chất lượng sản phẩm dịch vụ với sự cam kết cao của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV. Các hoạt động cụ thể đã diễn ra trong năm 2013 như sau:



- » Công ty đã xây dựng và áp dụng thành công hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (AT - CL - MT) theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 & OHSAS 18001:2007, được Viện Tiêu Chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận, cấp chứng chỉ lần đầu vào ngày 22/07/2010, tái chứng nhận vào ngày 22/7/2013.
- » Ngày 01/03/2013, Công ty đã tổ chức Hội nghị an toàn lần thứ III nhằm tổng kết những thành tích về công tác AT - VSLĐ - PCCN và định hướng phát triển 2013 và đưa ra những bài học quý giá về đảm bảo công tác an toàn cho các Công ty hoạt động trong ngành khí. Từ đó đề ra các chương trình, biện pháp nâng cao hiệu quả của công tác ATSKMT và PCCN, nhằm đảm bảo duy trì nhiệm vụ vận hành cấp khí liên tục, an toàn và hiệu quả. Công ty đã hoàn thành 100% kế hoạch BHLĐ; xử lý 100% các kiến nghị của đoàn kiểm tra các cấp; điều kiện làm việc của người lao động được cải thiện; không có sự cố lớn gây thiệt hại về con người, tài sản, môi trường.
- » Hưởng ứng ngày môi trường thế giới 05/06/2013, Chi đoàn Công ty đã phát động chương trình làm thêm “Chung tay vì một môi trường xanh – sạch – đẹp”. Các Đoàn viên đã trồng thêm 6 cây xanh tại Nhà máy, dọn dẹp vệ sinh toàn bộ văn phòng, Nhà máy, hệ thống đường ống, bồn chứa CNG, phát quang cây cỏ,... tăng cường hơn nữa môi trường Xanh – Sạch – Đẹp nơi làm việc.
- » Ngày 15/11/2013, Công ty phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng, Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tổ chức Hội thao & thực tập phương án chữa cháy năm 2013 tại Nhà máy CNG Phú Mỹ, với sự tham gia của CBCNV Công ty và các đơn vị trong ngành, nhằm rèn luyện, nâng cao kỹ năng thực hành chữa cháy và sơ cấp cứu ban đầu, sử dụng thành thạo các thiết bị chữa cháy, xử lý kịp thời các tình huống khẩn cấp; đồng thời để giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm PCCC và sơ cấp cứu giữa CNG và các đơn vị bạn.

Biến đổi khí hậu do ô nhiễm môi trường mang đến những tác động tiêu cực và hủy diệt đối với cuộc sống của con người. Trong năm 2013 đã ghi dấu không ít những thảm họa liên quan đến môi trường, sức mạnh của thiên nhiên là vậy nhưng chúng tôi tin tưởng rằng những điều ấy có thể phòng ngừa được. Thông qua hoạt động kinh doanh cốt lõi và những hoạt động thiết thực, CNG luôn mong muốn góp phần vào việc chung tay bảo vệ môi trường xanh sạch đẹp, góp phần làm cuộc sống tốt đẹp hơn.

“ Chúng tôi luôn đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn đã đăng ký và không ngừng cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm thông qua hoạt động giám sát chặt chẽ, tiết giảm tối đa chi phí sản xuất. ”

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI



ĐỐI VỚI CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Cán bộ nhân viên là nhân tố nội lực quyết định sự phát triển của một doanh nghiệp. Chúng tôi luôn tạo điều kiện cho CBCNV công ty có một môi trường làm việc và cơ hội phát triển tốt nhất cùng với sự quan tâm sâu sắc đối với cuộc sống của từng CBCNV. Nỗ lực ấy nhằm xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, nơi mà mỗi cá nhân được cảm thấy sự tôn trọng, hài lòng vì sự đóng góp của mình dành cho Công ty. Các hoạt động đã diễn ra trong năm:

- » Từ ngày 25 – 26/5/2013, nằm trong chuỗi các hoạt động kỷ niệm 6 năm ngày thành lập Công ty (28/5/2007 – 28/5/2013), Chi đoàn Công ty phối hợp với BCH Công đoàn đã tổ chức “Giải tennis, bóng đá mini CNG VIETNAM mở rộng năm 2013”. Các giải thể thao đã diễn ra thành công tốt đẹp và để lại nhiều kỷ niệm đẹp cho các Đội bóng và các VĐV tham dự.
- » Ngày 01/6/2013, Đoàn thanh niên Công ty phối hợp với BCH Công đoàn đã tổ chức chương trình vui chơi “Thế giới tuổi thơ” cho các cháu thiếu niên, nhi đồng là con của CB-CNV trong Công ty.
- » Ngày 28 tháng 06 năm 2013, tại Chi bộ Công ty đã tổ chức Lễ công nhận Đảng viên chính thức cho 3 đồng chí đảng viên dự bị của Công ty.
- » Trong năm Công ty đã tổ chức được 43 khóa đào tạo, với 427 lượt người, tương ứng chi phí hơn 747 triệu đồng.

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC

Tính đến tháng 12/2013 Công ty đã cấp khí cho 22 khách hàng và 4 khách hàng đã ký hợp đồng nhưng chưa nhận khí. Mặc dù trải qua giai đoạn nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhưng được sự tin tưởng của khách hàng và đối tác, Công ty đã từng bước đạt được những kết quả kinh doanh tích cực. Chúng tôi luôn không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ, theo dõi

sự đánh giá, sự hài lòng của khách hàng. Không chỉ mang lại chất lượng tốt nhất cho khách hàng, sự quan tâm ấy còn mang lại Công ty cơ hội đánh giá bản thân Công ty để từng bước hoàn thiện mình. Trong năm Công ty đã tổ chức hội nghị khách hàng 2 năm một lần nhằm quảng bá hình ảnh Công ty và thắt chặt thêm mối quan hệ hợp tác. Thêm vào đó, Công ty còn sử dụng Bộ ứng dụng Google Apps for Business, điều này giúp Công ty nhanh chóng tiếp nhận và xử lý các yêu cầu của thị trường, khách hàng.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

Hình ảnh một cổ phiếu CNG uy tín được xây dựng thông qua các thông tin công bố, các báo tài chính luôn được công bố đúng hạn, đầy đủ theo yêu cầu của Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh. Đội ngũ CBCNV Công ty luôn quyết tâm thực hiện tốt các kế hoạch được đề ra nhằm mang lại những lợi ích thiết thực nhất cho cổ đông, nhà đầu tư của Công ty. Bên cạnh đó, việc gặp gỡ, trao đổi thông tin và lắng nghe ý kiến nguyện vọng của nhà đầu tư luôn được Công ty chú trọng. Những hoạt động cụ thể trong năm 2013:

- » Ngày 18 tháng 4 năm 2013, tại thành phố Vũng Tàu, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2013.
- » Ngày 06/09/2013, tại khách sạn Palace thành phố Vũng Tàu, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2013. Tại Đại hội, các cổ đông cũng đã thống nhất thông qua mục đích sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để triển khai kế hoạch tăng vốn năm 2013.
- » Việc công bố thông tin nhanh, minh bạch và tuân thủ theo quy định của thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012.

Ngoài việc trực tiếp tham dự, trao đổi, mọi thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được cập nhật kịp thời nhất trên website của Công ty: <http://www.cng-vietnam.com/>



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI



ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÃ HỘI

Hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động xã hội là hai hoạt động không thể tách rời trong quá trình “Phát triển bền vững của Công ty”. Truyền thống đền ơn đáp nghĩa và lá lành đùm lá rách luôn thấm đượm trong công tác xã hội của Công ty, nhằm nâng góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và thể hiện lòng biết ơn đối với những sự hi sinh cho quê hương đất nước của các gia đình có công với cách mạng, thương binh, bệnh binh. Ngoài ra, trong nhiều năm liên tục Công ty luôn tích cực hưởng ứng tham gia các phong trào, Ủng hộ Quỹ Vì người nghèo, Ủng hộ đồng bào bị thiên tai bị bão lũ, Ủng hộ cho Hội chữ Thập đỏ. Các hoạt động cụ thể đã diễn ra trong năm như sau:

- » Nhân dịp Tết Nguyên Đán 2013, Công ty đã tổ chức đi thăm tặng quà cho 20 hộ nghèo, gia đình chính sách trên địa bàn xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- » Ngày 15-16/6/2013, BCH Chi đoàn Công ty đã cử 06 Đoàn viên cùng với các đồng chí Đoàn Cơ sở thực hiện chuyến đi tình nguyện với nhiều hoạt động ý nghĩa như: Tổ chức giao lưu văn nghệ, các trò chơi dân gian và trao những phần quà thiết thực cho các em học sinh nghèo để động viên, khích lệ tinh thần cho các em đón năm học mới trong chương trình tình nguyện “Vì đàn em thân yêu 2013” tại Bình Phước.
- » Ngày 29/6/2013 và ngày 17/8/2013 Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty đã kết hợp với Đoàn thanh niên Bệnh viện Bà Rịa và Đoàn thanh niên Bệnh viện Lê Lợi – tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tổ chức chương trình “Khám và cấp thuốc miễn phí cho gia đình chính sách, người dân và trẻ em nghèo” tại hai xã Bông Trang và xã Tân Lâm thuộc huyện Xuyên Mộc.
- » Ngày 27/7/2013, tiếp nối truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” hướng đến kỷ niệm 66 năm ngày Thương binh liệt sỹ (27/7/1947 – 27/7/2013), Công đoàn Công ty đã đi thăm và tặng quà cho các gia đình chính sách tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- » Ngày 25/12/2013 Chi đoàn Công ty đã tổ chức chương trình từ thiện đến thăm và tặng quà cho các bé mồ côi hiện đang được nuôi dưỡng tại Chùa Từ Ân, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.



4

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao của Ban Điều hành

Thông tin cổ đông

Quản trị rủi ro

lấy cộng đồng làm trách nhiệm

Giữ vai trò đi đầu trong ngành công nghiệp khí tại Việt Nam, CNG luôn đặt tính cộng đồng lên hàng đầu đi đôi với sự thấu hiểu và sẻ chia cùng xã hội. Các hoạt động của CNG gắn liền với phương châm giảm thiểu tác động đến môi trường, hướng đến một cộng đồng xanh – sạch – đẹp.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên HĐQT tại Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT, 04 thành viên trong đó 1 thành viên kiêm nhiệm Tổng Giám Đốc, 2 thành viên không điều hành và 1 thành viên HĐQT độc lập. Số lượng nắm giữ cổ phần đến ngày 07/01/2013 tại CNG VIETNAM như sau:

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu (cổ phần)	CP nắm giữ cá nhân	Tổng số CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch	5.662.663	69.030	5.731.693	21,23	Điều hành
2	Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên kiêm TGD	3.648.000	68.246	3.716.246	13,76	Điều hành
3	Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên	5.593.600	24.928	5.618.528	20,81	Không điều hành
4	Ông Christopher Đỗ Nghĩa	Thành viên	5.178.759	57.432	5.236.191	19,39	Không điều hành
5	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên	0	21.625	21.625	0,08	Độc lập

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: Không có.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2013:

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, HĐQT đã tổ chức 1 phiên họp ĐHĐCĐ thường niên, 1 phiên họp ĐHĐCĐ bất thường, 4 phiên họp HĐQT thường kỳ và nhiều lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT trong năm 2013, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT/2013	9/01/2013	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% trên vốn điều lệ hiện hành
2	65/QĐ-CNG	29/03/2013	Ban hành Điều lệ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Công ty CP CNG VN
3	66/QĐ - CNG	29/03/2013	Thành lập Hội đồng quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Công ty CP CNG VN
4	04/NQ-HĐQT/2013	29/03/2013	Nghị quyết họp HĐQT lần 1/2013
5	06/NQ-HĐQT/2013	23/04/2013	Bầu chủ tịch HĐQT và chia cổ tức đợt 3 năm 2012
6	07/NQ-HĐQT/2013	10/05/2013	Ủy quyền TGD bán cổ phiếu GAS
7	110/QĐ-CNG	10/05/2013	Phê duyệt và ban hành “Thang bảng lương chức danh Lãnh đạo, Quản lý, Điều hành Công ty CP CNG VN”
8	08/NQ-HĐQT/2013	15/05/2013	Nghị quyết bầu thành viên HĐQT độc lập
9	114/QĐ-CNG	15/05/2013	Phê duyệt Quy chế về chế độ công tác phí trong nước đối với CBCNV của Công ty CP CNG VN
10	09/NQ-HĐQT/2013	15/06/2013	Nghị quyết họp HĐQT lần 2/2013
11	140/QĐ-CNG	21/06/2013	Ban hành Quy chế quản trị Công ty Cổ Phần CNG Việt Nam – sửa đổi lần 1
12	10/2013/NQ-HĐQT	19/07/2013	Phê duyệt dự án “ Đầu tư phát triển thị trường”
13	11/NQ-HĐQT	29/07/2013	Nghị quyết phê duyệt “ Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2013”
14	178/QĐ-CNG	31/07/2013	Quyết định Đổi tên Quản đốc & Phó Quản đốc Nhà máy thành Giám Đốc và Phó Giám Đốc Nhà máy
15	195/QĐ-CNG	19/08/2013	Quyết định phê duyệt và ban hành quy chế thực hiện dân chủ của Công ty CP CNG VN
16	13/NQ-HĐQT	12/09/2013	Nghị quyết phê duyệt Quy chế phân phối cổ phiếu cho CBCNV Công ty và giao nhiệm vụ thực hiện kế hoạch tăng vốn năm 2013
17	14/NQ-HĐQT/2013	4/10/2013	Nghị quyết họp HĐQT lần 3/2013
18	15/NQ-HĐQT	7/10/2013	Nghị quyết về miễn nhiệm và bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty
19	223/QĐ-CNG	7/10/2013	Quyết định về việc thôi chức vụ Kế toán trưởng Công ty
20	224/QĐ-CNG	7/10/2013	Quyết định về việc bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty
21	16/NQ-HĐQT	16/10/2013	Nghị quyết về thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2013
22	18/NQ-HĐQT	13/12/2013	Nghị quyết phê duyệt tạm ứng cổ tức Đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt tỷ lệ 15% trên vốn điều lệ hiện hành.
23	01/NQ-HĐQT	2/01/2014	Nghị quyết họp HĐQT lần 4/2013

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Trong cơ cấu HĐQT của Công ty, Công ty đã bầu ra 2 thành viên HĐQT không điều hành và một thành viên HĐQT độc lập. Trong năm 2013, các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành tham gia đầy đủ các cuộc họp và giải quyết các vấn đề liên quan đến HĐQT. Các thành viên độc lập, không điều hành đảm bảo CNG VIETNAM cân bằng hài hòa lợi ích

giữa các nhóm cổ đông Công ty, lợi ích của nhà nước, của người lao động trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các thành viên này có vai trò quan trọng trong việc tăng cường hiệu quả hoạt động, tính minh bạch của bộ máy quản trị Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

HĐQT chưa lập ra các tiểu ban do chưa cần thiết với tình hình thực tế của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

Các thành viên trong Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên tham gia các chương trình về quản trị Công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của Công ty. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo của Công ty, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng. Chương trình đào tạo đã phát huy hiệu quả tích cực thông qua sự mở rộng không ngừng của Công ty trong năm 2013 nói riêng và những năm qua nói chung.

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm TGD
2	Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên HĐQT
3	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT độc lập

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm TGD
3	Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên HĐQT
4	Ông Christopher Đỗ Nghĩa	Thành viên HĐQT
5	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT độc lập

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu (cổ phần)	CP nắm giữ cá nhân	Tổng số CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng BKS	0	3.354	3.354	0,012	Kiểm nhiệm
2	Bà Phạm Thị Loan Phượng	Thành viên BKS	0	4.086	4.086	0,015	Kiểm nhiệm

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện nhiệm vụ như sau:

- » Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội qui, qui định, văn bản của Công ty CP CNG Việt nam.
- » Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót, từ đó góp ý cho công tác quản trị trong việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn trong các khoản mục đầu tư.
- » Kiểm tra các chứng từ kế toán về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành; Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm trước và sau kiểm toán.

Kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

Năm 2013 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ giao trên tất cả các chỉ tiêu: Sản lượng tiêu thụ năm 2013 thực hiện là 62,31 triệu Sm³, đạt 104% so với kế hoạch. Doanh thu thực hiện 969,89 tỷ đồng, đạt 109% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế thực hiện 123,91 tỷ đồng đạt 103% so với kế hoạch.

Công ty tổ chức vận hành liên tục, an toàn hệ thống cấp khí cho khách hàng cũng như bảo vệ an toàn các trạm khí và hành lang an toàn tuyến ống; thực hiện hoàn thành kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ và kế hoạch bảo hộ lao động năm 2013

Công ty tiếp tục thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí; thực hiện cải tiến chính sách tiền lương và phân phối lương, thưởng theo hướng gắn với hiệu quả công việc.

Hoàn thành niêm yết 5.672.362 cổ phiếu phát hành thêm lên

sàn giao dịch chứng khoán Tp. HCM ngày 14/11/2013, vốn điều lệ tăng từ 213 tỷ lên 270 tỷ đồng.

Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành

Về thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, Ban TGD

HĐQT, Ban TGD đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng Đại hội đồng cổ đông quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể. Ban TGD căn cứ nghị quyết, quyết định của HĐQT triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời và có những ứng xử linh hoạt để đạt được kết quả tốt nhất.

Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn Công tác thu hồi công nợ được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi. Thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định.

Về việc tuân thủ các qui định của pháp luật trong quản lý, điều hành

Công tác đầu tư: Đầu tư tài sản cố định của Công ty đã thực hiện đúng Điều lệ Công ty. Công tác đầu tư xây dựng được thực hiện tuân thủ đúng các quy định của Luật đầu thầu, các quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình.

Chế độ báo cáo: Công ty đã chấp hành tốt qui định về công bố thông tin đối với Công ty niêm yết. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, mua bán cổ phiếu quỹ, tạm ứng cổ tức, thay đổi, bổ sung nhân sự cấp cao... được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông, nhà đầu tư.

Việc ban hành các qui chế, qui định nội bộ: được thực hiện chặt chẽ, căn trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với qui định của pháp luật. Thông qua các ý kiến đóng góp vào dự thảo đã phát huy được trí tuệ tập thể, do đó các qui định khi ban hành có tính khả thi cao, thực sự là công cụ hữu hiệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.

BAN KIỂM SOÁT

“ Năm 2013 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ giao trên tất cả các chỉ tiêu: Sản lượng tiêu thụ năm 2013 thực hiện là 62,31 triệu Sm³, đạt 104% so với kế hoạch. Doanh thu thực hiện 969,89 tỷ đồng, đạt 109% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế thực hiện 123,91 tỷ đồng đạt 103% so với kế hoạch. ”

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát (BKS) hiện tại có 02 thành viên. Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo qui định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho các cổ đông của CNG.

Trong suốt năm vừa qua, Ban kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những vấn đề sai phạm, sai sót nhằm đảm bảo hoạt động Công ty theo đúng qui định của pháp luật và Điều lệ CNG cũng như thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để ra hàng năm. Đồng thời Ban kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện chính sách, qui trình, qui chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của CNG.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

Để thực hiện tốt công tác soát xét theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch làm việc năm 2014 như sau:

- » Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị và Ban Quản lý điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty.
- » Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- » Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của Công ty.
- » Giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả xây lắp tại các công trình.
- » Xem xét thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty.
- » Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Kiểm soát tại các đơn vị với bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát
- » Cử các thành viên trong Ban Kiểm soát tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia đầy đủ các hội nghị chuyên ngành liên quan đến công tác kiểm soát.

CÁC GIAO DỊCH THÙ LAO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Công ty áp dụng chế độ lương cho Ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của CNG VIETNAM. Tiền thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế áp dụng theo quyết định của ĐHĐCĐ thưởng niên về Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị:

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng số tiền	Ghi chú
1	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch	880.062.061	Chuyên trách
2	Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên kiêm TGD	861.000.000	Kiểm nhiệm
3	Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên	86.000.000	Kiểm nhiệm
4	Ông Christopher Đỗ Nghĩa	Thành viên	86.000.000	Kiểm nhiệm
5	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên	681.624.332	Độc lập

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của Ban kiểm soát:

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng số tiền	Ghi chú
1	Ông Ngô An Hòa	Trưởng ban	162.303.750	Thôi giữ chức Trưởng BKS và thành viên BKS từ ngày 25/09/2013
2	Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên	24.772.726	Giữ chức Trưởng BKS từ ngày 5/11/2013
3	Bà Phạm Thị Loan Phượng	Thành viên	13.500.000	Kiểm nhiệm

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng:

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng số tiền	Ghi chú
1	Ông Đặng Văn Vĩnh	Tổng Giám Đốc	Như trên	
2	Ông Trần Quang Đán	Phó TGD	698.491.932	
3	Ông Bùi Văn Đản	Phó TGD	697.148.030	
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Phó TGD	672.958.607	
5	Ông Ngô Duy Trọng	Kế toán trưởng	528.905.669	Thôi giữ chức KTT từ ngày 7/10/2013
6	Ông Ngô An Hòa	Kế toán trưởng	Như trên	Bổ nhiệm KTT từ ngày 7/10/2013

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan

Tên cổ đông	Chức vụ/liên quan	Giao dịch (mua/bán)	Số lượng CP đã giao dịch	Ghi chú
Hội đồng Quản trị				
		Bán	35.800	09/04/2013 - 09/05/2013
Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT	Bán	15.000	15/05/2013 – 15/06/2013
		Bán	2.000	22/07/2013 – 21/08/2013
Ban Tổng Giám Đốc				
Ông Bùi Văn Đản	Phó TGD	Bán	17.870	21/02/2013 – 21/03/2013
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Phó TGD	Bán	10.000	02/07/2013 – 31/07/2013
Thư ký Công Ty				
Bà Võ Thị Thu Sương	Thư Ký Công ty	Mua	3.600	27/11/2013 – 13/12/2013
Tổ chức liên quan đến cổ đông nội bộ				
		Bán	20.000	31/12/2013 – 01/01/2014
Ông Christopher Đỗ Nghĩa	IEV Energy Sdn.Bhd	Bán	40.980	12/06/2013 – 12/07/2013
		Mua	604.800	20/09/2013 – 09/10/2013

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần: 27.000.000 CP

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Không

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 27.000.000 CP

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

» Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài:

Chỉ tiêu	Trong nước (cổ phần)	Nước ngoài (cổ phần)	Tổng (cổ phần)
Cá nhân	4.493.210	323.813	4.817.023
Tổ chức	15.110.598	7.072.379	22.182.977
Tổng	19.603.808	7.396.192	27.000.000



» Phân loại theo cổ đông lớn (từ 5% trở lên)

Tên cổ đông	Vốn cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam	14.904.263	55,20
IEV Group Sdn.Bhd.	3.372.793	12,49
IEV Energy Sdn. Bhd.	1.805.966	6,69
Tổng	20.083.022	74,38

» Phân loại theo cổ đông nhỏ (dưới 5%)

Tên cổ đông	Vốn cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
FRONTAURA GLOBAL FRONTIER FUND LLC	1.270.720	4,71
Khác	5.645.931	20,91
Tổng	6.916.651	25,62

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Hoàn thành kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 213.276.380.000 đồng lên 270.000.000.000 đồng, cụ thể:

- » Tăng vốn điều lệ theo chương trình dành cho người lao động (ESOP) với số lượng 1.065.593 cổ phiếu tương đương 10.655.930.000 đồng;
- » Tăng vốn điều lệ từ Quỹ Đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu của Công ty với số lượng 4.606.769 cổ phiếu tương đương 46.067.690.000 đồng
- » Tổng vốn điều lệ đến 31/12/2013: 270.000.000.000 đồng

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Công ty hiện đang nắm giữ 327 Cổ phiếu quỹ, chiếm tỷ lệ 0,001%. Trong năm Công ty không có giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Đối với Công ty, quản trị rủi ro là một bộ phận luôn song hành trong chiến lược hoạt động của doanh nghiệp. Với đặc trưng là hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khí, việc đối mặt với các rủi ro phát sinh từ nội tại doanh nghiệp và xâm nhập từ bên ngoài là điều không thể tránh khỏi. Quản trị rủi ro không chỉ giải quyết kịp thời, hiệu quả các tình huống xảy ra mà quan trọng hơn là việc sớm dự báo các rủi ro và đưa ra các biện pháp khắc phục thông qua chính sách quản trị toàn diện. Chúng tôi xây dựng dựa trên việc nghiên cứu, hiểu rõ bản chất các loại rủi ro và đưa ra các giải pháp tối ưu nhất với nguồn lực hiện có của Công ty thông qua việc cân đối chi phí của rủi ro và chi phí quản lý rủi ro nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho doanh nghiệp. Các loại rủi ro được phân theo các nhóm chính sau đây:

RỦI RO VỀ GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO

Bản chất rủi ro

Giá bán khí của Công ty được quyết định bởi PVGas và vận chuyển thông qua đường ống của PVGas D, theo lộ trình tăng giá khí của PVGas, giá khí sẽ tăng 10% trong những năm tiếp theo đến năm 2017, đây là lúc nhập khẩu khí LNG. Giá khí đầu vào tăng làm chi phí giá vốn hàng bán của Công ty tăng.

Biện pháp phòng ngừa

Công ty phát triển mở rộng thị trường để tăng sản lượng, luôn có chính sách giá linh hoạt để phù hợp với thị trường tại từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng và từng khu vực. Ngoài những chỉ tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn hạn chế ở mức tối thiểu các chi phí khác nhằm đạt lợi nhuận cao nhất thông qua hoạt động giám sát chặt chẽ. Công ty luôn chú trọng xây dựng mối quan hệ với nhà cung cấp thông qua việc xây dựng uy tín bằng thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán. Đối với giá khí đầu ra, Công ty ký kết hợp đồng dài hạn với khách hàng và áp dụng giá bán theo giá LPG, DO thế giới, điều này giúp Công ty hạn chế rủi ro.

RỦI RO LÃI SUẤT

Bản chất rủi ro

Rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay của Công ty. Khi mặt bằng lãi vay tăng cao, chi phí tài chính sẽ tạo áp lực lớn đối với lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, lãi suất tăng cao làm việc huy động vốn cho các dự án đầu tư trong tương lai sẽ trở nên khó khăn hơn.

Biện pháp phòng ngừa

Công ty duy trì tỷ lệ nợ vay trên tổng tài sản ở mức thấp và có xu hướng đang giảm dần. Công ty phân tích các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư để chi phí sử dụng vốn ở mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc tài chính an toàn. Hiện tại, Công ty chủ yếu sử dụng nguồn vốn tự có thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả. Đến hết năm 2013, số dư nợ vay của Công ty đang là 70 tỷ đồng, trong đó 43% là nợ vay dài hạn. Mặt bằng lãi vay đang thấp dần cùng với tỷ lệ nợ vay giảm xuống sẽ làm chi phí lãi vay của Công ty giảm đáng kể.

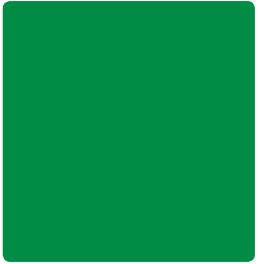
RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ

Bản chất rủi ro

Các khách hàng tiêu thụ khí của Công ty chủ yếu là hộ công nghiệp nên khi kinh tế Việt Nam chưa phục hồi, ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất, bất động sản trầm lắng, doanh nghiệp sản xuất cầm chừng, nhu cầu đối với sản phẩm CNG sẽ bị suy giảm. Thêm vào đó, khi giá khí biến động tăng mạnh, khách hàng của Công ty có xu hướng chuyển sang sử dụng các nhiên liệu thay thế khác. Rõ ràng, đây sẽ là yếu tố ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của Công ty. Trong những năm tiếp theo, tình hình kinh tế được dự báo sẽ có những biến động khó lường, và có khả năng gây ra những ảnh hưởng không tích cực đến Công ty.

Biện pháp phòng ngừa

Ý thức được rủi ro này, Công ty luôn quan tâm để thắt chặt mối quan hệ với khách hàng hiện có và tìm kiếm khách hàng mới thông qua các hợp đồng và thỏa thuận bán khí đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Công ty luôn chủ động quảng bá

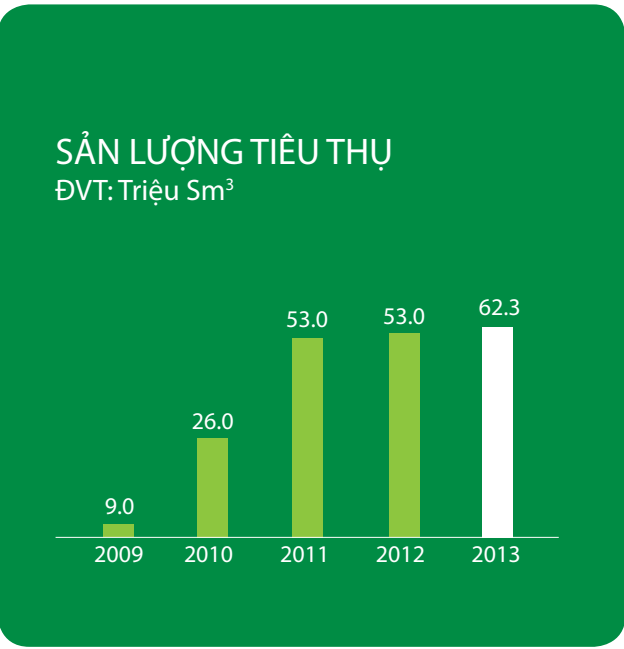


hình ảnh, tăng cường tiếp thị quảng cáo lợi ích khi sử dụng các sản phẩm CNG nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ.

Công ty luôn thực hiện công tác cập nhật thông tin, dự báo nhu cầu tiêu thụ của thị trường để có bức tranh tổng quan và chính xác nhất về doanh thu, lợi nhuận. Việc lập ngân sách, các kế hoạch đầu tư, sử dụng nguồn vốn cũng được xây dựng linh hoạt dựa trên những dự báo để tránh những hoạt động đầu tư không hiệu quả, hoặc bỏ qua các cơ hội đầu tư tiềm năng.

Công ty phân loại khách hàng để có kế hoạch cung ứng phù hợp, hiệu quả nhằm gia tăng sản lượng và hiệu quả đầu tư.

Sau sự sụt giảm về nhu cầu tiêu thụ trong năm 2012, năm 2013 đã chứng kiến sự tăng trưởng trở lại về nhu cầu khí của Công ty, thành quả này đã ghi nhận những nỗ lực không ngừng nghỉ của CNG VIETNAM trong suốt năm qua.



RỦI RO VỀ KHOẢN PHẢI THU

Bản chất rủi ro

Nền kinh tế khó khăn làm giá trị dòng tiền trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, trong đó các khoản phải thu là một trong những rủi ro lớn về bị chiếm dụng vốn, thất thoát nguồn vốn của Công ty. Rủi ro về dòng tiền diễn ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, không nắm bắt các cơ hội đầu tư quan trọng khi không có đủ nguồn vốn cần thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc quản trị tài sản và nguồn vốn lưu động. Các khoản nợ xấu phát sinh từ nợ công khách hàng kéo dài, không có khả năng thanh toán bắt buộc Công ty phải trích lập dự phòng, làm giảm lợi nhuận Công ty.

Biện pháp phòng ngừa

Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ như: mở bảo lãnh thanh toán, phân tích về tuổi nợ, ngày thu nợ. Với số lượng khách hàng hiện có là 23 Công ty, CNG VIETNAM luôn tạo chiều sâu trong mối liên hệ hợp tác với khách hàng nhằm hiểu rõ về tình trạng tài chính, uy tín giao dịch của từng khách hàng để có chính sách cụ thể tăng việc thu hồi công nợ. Do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng và các đối tác vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau. Đối với các khoản phải thu có nhiều rủi ro, Công ty trích lập dự phòng hợp lý. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Từ lúc hoạt động đến nay, Công ty không đối mặt với những vụ kiện cáo liên quan đến những tranh chấp giải quyết đối với khách hàng. Trong năm 2013, số dư khoản phải thu là 152 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2012, tuy nhiên Công ty đã không phải trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi so với mức 996 triệu đồng trong năm 2012. Trong tình hình kinh tế còn nhiều bất ổn, việc quản lý tốt khoản phải thu nhưng vẫn duy trì mối quan hệ tốt đối với khách hàng hiện có là một điểm sáng của Công ty.

QUẢN TRỊ RỦI RO

“ Công ty đảm bảo lương, thưởng và chế độ khác một cách công bằng, minh bạch theo quy chế Công ty và quy định của pháp luật. Công ty luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho đội ngũ CBCNV của Công ty. ”

RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Bản chất rủi ro

Với hoạt động kinh doanh chính là sản xuất và chiết nạp khí CNG, LNG và LPG, nguồn nhân lực Công ty luôn được đào tạo bài bản với trình độ chuyên môn cao. Việc vận hành các hệ thống máy nén khí, trạm giảm áp, các trang thiết bị máy móc kỹ thuật chuyên dụng đòi hỏi kỹ năng và trình độ cao. Rủi ro trong việc quản trị nguồn nhân lực luôn là vấn đề được Công ty quan tâm bởi con người luôn là nhân tố quyết định cho sự thành công của bất kỳ doanh nghiệp nào. Việc quản trị kém hiệu quả sẽ dẫn đến thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, mất đoàn kết nội bộ, vận hành không hiệu quả. Trong môi trường kinh doanh nhiều biến động, nguồn nhân lực chất lượng càng là vấn đề thách thức đối với Công ty.

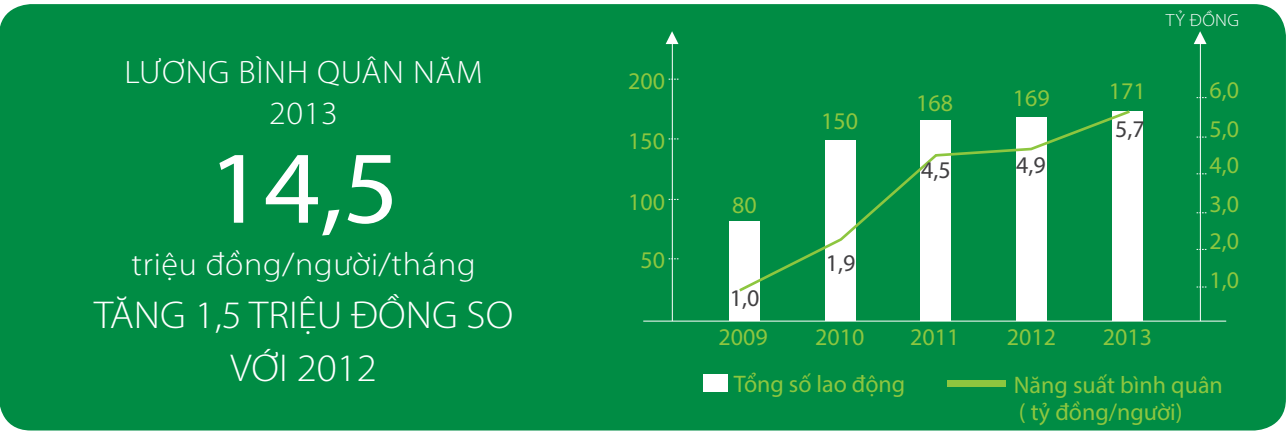
Biện pháp phòng ngừa

Công ty luôn cân bằng giữa lợi ích của người lao động và lợi ích chung của Công ty trong việc quản trị nguồn nhân lực. Lao động được tuyển dụng, điều chuyển hợp lý, đảm bảo đầy đủ nguồn nhân lực và hiệu quả trong quá trình vận

hành. Công ty đảm bảo lương, thưởng và chế độ khác một cách công bằng, minh bạch theo quy chế Công ty và quy định của pháp luật. Công ty luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho đội ngũ CBCNV của Công ty. Bên cạnh đó, mặc dù nền kinh tế còn nhiều khó khăn, nhưng đây cũng là cơ hội để Công ty tìm kiếm, bổ sung nguồn nhân lực chất lượng với chi phí hợp lý.

Trong năm 2013, Công ty đã tạo việc làm và thu nhập ổn định cho hơn 175 lao động, lương bình quân tăng từ 13 triệu đồng năm 2012 lên 14,5 triệu đồng/người/tháng năm 2013. Việc phát hành cổ phiếu cho người lao động cũng được diễn ra với sự đồng thuận cao của toàn thể người lao động và cổ đông Công ty.

Nguồn nhân lực của Công ty không chỉ thể hiện qua việc tăng lên về số lượng, mà chất lượng nguồn lao động cũng tăng lên vượt bậc, thể hiện qua tỷ số tổng doanh thu trên số lượng lao động. Trung bình, một lao động của Công ty tạo ra 5,7 tỷ đồng doanh thu cho Công ty trong năm 2013. Nguồn lao động có chất lượng là yếu tố nội tại quan trọng đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.



RỦI RO AN TOÀN LAO ĐỘNG

Bản chất rủi ro

Với đặc thù là ngành dầu khí, các rủi ro trong quá trình vận hành như hỏa hoạn, sự cố máy móc, tai nạn lao động... luôn tiềm ẩn trong quá trình sản xuất, vận chuyển và phân phối khí. Một khi các rủi ro xảy ra, những hậu quả sẽ đặc biệt nghiêm trọng. Đối với Công ty, những rủi ro này sẽ gây thiệt hại về tài sản, tiến độ các dự án, uy tín của Công ty đối với người lao động và khách hàng. Đối với người lao động, thiệt hại về tính mạng, tâm lý bị ảnh hưởng tiêu cực, suy giảm hiệu suất lao động là điều không thể tránh khỏi.

Biện pháp phòng ngừa

Đối với Công ty, công tác đảm bảo an toàn lao động trong quá hoạt động luôn được đặt lên hàng đầu. Các hoạt động vận hành luôn được giám sát chặt chẽ và tuân theo quy trình nhất định. Người lao động được đào tạo bài bản trước khi vận hành, công tác bảo hộ lao động đặc biệt được chú trọng. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp huấn luyện về phòng cháy chữa cháy nhằm nâng cao ý thức và đào tạo

những kỹ năng cần thiết đối với các trường hợp bất ngờ xảy ra. Nhà máy và các máy móc thiết bị luôn có kế hoạch bảo trì, sửa chữa định kỳ và luôn được duy trì trong trạng thái vận hành tốt nhất và an toàn nhất. Công ty còn xây dựng và áp dụng thành công hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (AT - CL - MT) theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 & OHSAS 18001:2007, được Viện Tiêu Chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận. Từ lúc vận hành đến nay, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố nghiêm trọng nào, đây là điều đáng tự hào của một doanh nghiệp trong ngành khí.

Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng thành các quy định cụ thể, với sự nhất quán trong toàn bộ máy quản lý của Công ty thông qua việc quảng bá sâu rộng các kiến thức về rủi ro. Trong thực tế, môi trường kinh doanh luôn thay đổi, các tình huống sẽ diễn ra bất ngờ, Công ty luôn không ngừng nghiên cứu, chỉ ra các rủi ro mới, nhằm tích hợp linh hoạt, kịp thời các biện pháp giải quyết. Không chỉ đảm bảo tốt việc vận hành an toàn hiện hữu, điều này còn giúp doanh nghiệp kịp thời nắm bắt các cơ hội thị trường. Hệ thống quản trị rủi ro sẽ nền tảng để doanh nghiệp có những bước đi vững chắc trên định hướng “Phát triển bền vững”.



5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính

lấy tăng trưởng làm động lực

Trên mọi chặng đường phát triển, CNG luôn xây dựng tốt hệ thống quản lý tài chính trên nền tảng tăng trưởng bền vững và ổn định. Đồng thời, thực hiện công bố thông tin rõ ràng, minh bạch, nâng cao thị trường vốn và mang lại lợi ích tốt nhất cho nhà đầu tư.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	
Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch
Ông Chirstoppher Nghĩa Đỗ	Thành viên
Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên
Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên
Ban Giám đốc	
Ông Đặng Văn Vĩnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Đán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Đản	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Đặng Văn Vĩnh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 02 năm 2014

Số: 257 /VN1A-HC-BC
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27 tháng 02 năm 2014, từ trang 80 đến trang 103 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 27 tháng 02 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Đặng Thị Lợi
Kiểm toán viên
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1529-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		510.956.953.793	316.418.255.598
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110		249.841.848.415	85.305.119.116
1. Tiền	111	5	62.192.126.193	17.305.119.116
2. Các khoản tương đương tiền	112		187.649.722.222	68.000.000.000
II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120	6	65.000.000.000	55.100.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		65.000.000.000	55.100.000.000
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	130		168.576.639.650	152.125.223.262
1. Phải thu của khách hàng	131		152.485.916.105	136.905.574.399
2. Trả trước cho người bán	132		3.998.356.370	1.497.061.113
3. Các khoản phải thu khác	135	7	12.092.367.175	14.718.170.426
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			(995.582.676)
IV. HÀNG TỒN KHO	140		23.172.660.906	21.500.912.441
1. Hàng tồn kho	141	8	23.172.660.906	21.500.912.441
V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150		4.365.804.822	2.387.000.779
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.597.369.762	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.284.060.641	2.296.717.958
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.082.821	2.082.821
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		482.291.598	88.200.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		117.186.139.192	307.314.203.009
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220		97.487.234.747	225.197.521.552
1. TSCĐ hữu hình	221	9	82.057.702.882	191.757.562.055
- Nguyên giá	222		419.192.144.781	410.978.933.094
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(337.134.441.899)	(219.221.371.039)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	10	13.953.516.132	27.982.456.668
- Nguyên giá	225		42.086.821.615	42.086.821.615
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(28.133.305.483)	(14.104.364.947)
3. TSCĐ vô hình	227		51.081.285	96.428.949
- Nguyên giá	228		170.056.700	170.056.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(118.975.415)	(73.627.751)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.424.934.448	5.361.073.880
II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC	250		-	60.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258			60.000.000.000
III. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	260		19.698.904.445	22.116.681.457
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	16.581.636.445	18.999.413.457
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.117.268.000	3.117.268.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		628.143.092.985	623.732.458.607

Các thuyết minh từ trang 84 đến trang 103 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

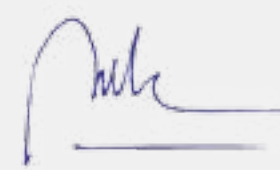
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		184.644.711.010	243.165.451.239
I. NỢ NGẮN HẠN	310		147.459.184.141	166.425.614.738
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	39.660.229.072	60.183.954.800
2. Phải trả người bán	312		90.994.504.556	91.395.735.677
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	4.076.673.560	4.331.650.442
4. Phải trả người lao động	315		4.535.910.887	6.949.658.337
5. Chi phí phải trả	316	V.17	6.417.666.696	2.682.591.974
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1.771.472.149	877.574.297
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.727.221	4.449.211
II. NỢ DÀI HẠN	330		37.185.526.869	76.739.836.501
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	30.231.079.230	69.785.388.862
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		6.954.447.639	6.954.447.639
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		443.498.381.975	380.567.007.368
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410	16	443.498.381.975	380.567.007.368
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		270.000.000.000	213.276.380.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.695.680.000	1.695.680.000
3. Quỹ khác	413		10.172.434.367	10.172.434.367
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.270.000)	
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		27.209.759.537	21.313.447.579
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.727.793.258	43.002.859.341
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		125.695.984.813	91.106.206.081
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		628.143.092.985	623.732.458.607
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
1. Ngoại tệ các loại Đô la Mỹ (USD)			54.168	5.497


Phan Thị Kim Thoa
Người lập biểu

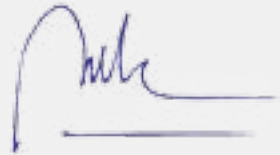

Ngô An Hòa
Kế toán trưởng

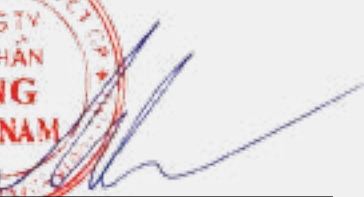

Đặng Văn Vĩnh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 84 đến trang 103 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu gộp	01	18	949.780.557.846	801.188.394.926
2. Doanh thu thuần (10 = 01)	10		949.780.557.846	801.188.394.926
3. Giá vốn hàng bán	11	19	744.290.815.621	616.167.464.005
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		205.489.742.225	185.020.930.921
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	19.446.432.219	20.837.969.316
6. Chi phí tài chính	22	22	14.690.521.660	23.484.318.937
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.508.051.373	23.422.238.239
7. Chi phí bán hàng	24		11.805.904.561	7.287.168.528
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		58.652.194.036	39.545.940.025
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		139.787.554.187	135.541.472.747
10. Thu nhập khác	31		666.571.988	333.048.708
11. Chi phí khác	32		1.418.896.862	3.640.016.316
12. Lỗ từ hoạt động khác (40=31-32)	40		(752.324.874)	(3.306.967.608)
13. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		139.035.229.313	132.234.505.139
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	15.134.777.854	14.308.265.974
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		123.900.451.459	117.926.239.165
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	4.736	4.569


Phan Thị Kim Thoa
Người lập biểu


Ngô An Hòa
Kế toán trưởng



Đặng Văn Vinh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 02 năm 2014

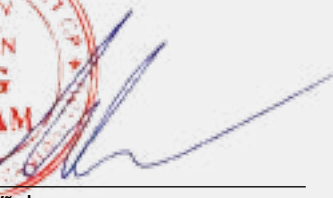
Các thuyết minh từ trang 84 đến trang 103 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	139.035.229.313	132.234.505.139
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài s ản cố định	02	133.035.047.501	120.275.509.006
Các khoản dự phòng	03	(995.582.676)	(550.000.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(3.694.504)	(15.665.852)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.410.971.420)	(20.741.999.160)
Chi phí lãi vay	06	14.508.051.373	23.422.238.239
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	266.168.079.587	254.624.587.372
Thay đổi các khoản phải thu	09	(25.825.183.085)	(14.951.137.253)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.671.748.465)	(11.495.251.050)
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.681.953.779	(6.897.317.507)
Thay đổi chi phí trả trước và tài s ản khác	12	360.654.759	(2.586.239.070)
Tiền lãi vay đã trả	13	(14.713.840.945)	(23.923.603.901)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.682.325.980)	(14.020.253.340)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(950.308.060)	(4.366.671.871)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	210.367.281.590	176.384.113.380
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua s ắm, xây dựng tài s ản cố định	21	(5.865.008.205)	(48.393.234.715)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(52.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	50.100.000.000	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.762.000.000	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	17.946.649.730	21.799.973.914
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	67.943.641.525	(78.593.260.801)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	10.652.660.000	10.156.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	18.600.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(60.221.554.800)	(62.656.923.954)
4. Cổ tức đã trả	36	(64.204.179.000)	(157.883.028.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(113.773.073.800)	(191.783.951.954)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	164.537.849.315	(93.993.099.375)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	85.305.119.116	179.293.614.903
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.120.016)	4.603.588
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	249.841.848.415	85.305.119.116

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:
Cổ tức đã trả trong năm không bao gồm cổ tức đã công bố nhưng chưa thanh toán là 332.145.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 553.410.000 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần chênh lệch các khoản phải trả.
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu không bao gồm số cổ phiếu phát hành từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 46.067.690.000 đồng. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền do đó không được trình bày trong báo cáo trên.


Phan Thị Kim Thoa
Người lập biểu


Ngô An Hòa
Kế toán trưởng



Đặng Văn Vinh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 84 đến trang 103 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động trong vòng 20 năm theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 11 năm 2011 với mã chứng khoán là CNG.

Các cổ đông chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sở hữu 55,2%); IEV Group (sở hữu 12,49%) và IEV Energy (sở hữu 6,69%) được thành lập tại Malaysia. Các cổ đông khác sở hữu 25,62% vốn cổ đông.

Công ty được thành lập nhằm thực hiện dự án Chiết nạp khí thiên nhiên (gọi tắt là dự án “CNG Việt Nam”) với thời gian hoạt động của dự án 20 năm kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2007.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 175 người (tại 31 tháng 12 năm 2012: 169 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG, quy mô 50.000.000 Sm³/năm; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí; mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và các khoản kí quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	2,17 - 10
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	1,6 - 3
Phương tiện vận tải	3 - 6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê. Tài sản cố định đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được trích lập chỉ để sử dụng cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Công ty. Mức trích tối đa là 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc hàng năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó

được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền mặt	1.614.501.010	184.555.622
Tiền gửi ngân hàng	60.577.625.183	17.120.563.494
Các khoản tương đương tiền	187.649.722.222	68.000.000.000
	49.841.848.415	85.305.119.116

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 3 tháng với lãi suất được hưởng hàng năm từ 6% đến 7% (năm 2012: từ 9% đến 13%).

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	52.000.000.000
Cổ phiếu PVGas	-	3.100.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	60.000.000.000	-
	65.000.000.000	55.100.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất được hưởng hàng năm từ 7% đến 8% (năm 2012: 9% đến 13%).

Đầu tư ngắn hạn khác thể hiện số tiền ủy thác quản lý vốn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn (PVcomBank Sài Gòn) theo hợp đồng số 43/2012/UTCV/CNGVN-PVFCSG ngày 26 tháng 4 năm 2012 với thời hạn 24 tháng và sẽ đến hạn vào ngày 26 tháng 4 năm 2014. Khoản tiền này được hưởng lãi suất bằng với lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng đối với các tổ chức kinh tế của PVcomBank Sài Gòn tại thời điểm ủy thác và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Lãi dự thu	1.963.918.912	3.161.597.222
Phải thu Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam (*)	5.687.000.000	5.687.000.000
Phải thu khác	4.441.448.263	5.869.573.204
	12.092.367.175	14.718.170.426

(*) Đây là khoản góp vốn của Công ty cổ phần CNG Việt Nam với Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam để xây dựng văn phòng làm việc theo hợp đồng số 07/2011/GAS S-CNG VN/HDKT ngày 17 tháng 01 năm 2011. Mọi quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan đến dự án sẽ được phân bổ theo tỷ lệ giá trị góp vốn bằng tiền sau khi dự án hoàn thành. Dự án đã hoàn tất xây dựng nhưng chưa được tiến hành bàn giao.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Nguyên vật liệu	21.553.499.452	19.618.513.075
Công cụ, dụng cụ	33.022.406	56.931.700
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.586.139.048	-
Thành phẩm	-	1.825.467.666
	23.172.660.906	21.500.912.441

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VNĐ	Nhà xưởng, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	8.428.300.543	143.032.208.036	257.951.848.246	1.566.576.269	410.978.933.094
Tăng trong năm	-	246.000.000	-	124.900.002	370.900.002
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	9430.247.635	-	-	9.430.247.635
Phân loại lại	-	(659.027.015)	659.027.015	-	-
Giảm tài sản theo thông tư 45/2013/TT-BTC	(48.693.582)	(394.033.082)	-	(1.145.209.286)	(1.587.935.950)
Tại ngày 31/12/2013	8.379.606.961	151.655.395.574	258.610.875.261	546.266.985	419.192.144.781
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	3.233.742.879	73.846.974.630	141.015.354.759	1.125.298.771	219.221.371.039
Khấu hao trong năm	3.046.557.036	40.591.442.852	75.141.788.974	180.970.439	118.960.759.301
Phân loại lại	(1.980.452.886)	1.834.005.685	182.944.878	(36.497.677)	-
Giảm tài sản theo thông tư 45/2013/TT-BTC	(12.984.960)	(174.459.503)	-	(860.243.978)	(1.047.688.441)
Tại ngày 31/12/2013	4.286.862.069	116.097.963.664	216.340.088.611	409.527.555	337.134.441.899
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	4.092.744.892	35.557.431.910	42.270.786.650	136.739.430	82.057.702.882
Tại ngày 01/01/2013	5.194.557.664	69.185.233.406	116.936.493.487	441.277.498	191.757.562.055

Theo trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thể chấp một số tài sản có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 9951.986.273 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 101.016.746.915 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 76.560.314.929 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 614.418.983 đồng).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VNĐ
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013 và 31/12/2013	42.086.821.615
HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	14.104.364.947
Khấu hao trong năm	14.028.940.536
Tại ngày 31/12/2013	28.133.305.483
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2013	13.953.516.132
Tại ngày 01/01/2013	27.982.456.668

Tài sản thuê tài chính thể hiện năm (5) bồn chứa khí CNG composite, loại 40ft thuê từ công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với thời hạn 36 tháng kể từ ngày nhận nợ.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Dự án cấp khí bằng đường ống	-	5.361.073.880
Tòa nhà văn phòng	1.424.934.448	-
	1.424.934.448	5.361.073.880

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện khoản trả trước tiền thuê diện tích 13.000 mét vuông đất tại Khu công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 12 năm 2010 đến ngày 12 tháng 9 năm 2053 và chi phí nhượng quyền thuê đất từ việc thuê đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu được phân bổ 36 tháng kể từ tháng 10 năm 2012.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Vay ngắn hạn	-	18.600.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 15)	29.777.600.000	29.724.800.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 15)	9.882.629.072	11.859.154.800
	39.660.229.072	60.183.954.800

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thuế thu nhập cá nhân	286.084.075	993.512.831
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.790.589.485	3.338.137.611
	4.076.673.560	4.331.650.442

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Vay dài hạn	30.231.079.230	59.902.759.790
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	9.882.629.072
	30.231.079.230	69.785.388.862

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn theo đối tượng:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Vũng Tàu	30.231.079.230	59.902.759.790
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Sài Gòn Thương Tín	-	9.882.629.072
	30.231.079.230	69.785.388.862

Tại ngày 01 tháng 11 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu để tài trợ cho dự án CNG Việt Nam điều chỉnh và dự án đầu tư 6 bồn và rơ moóc. Khoản vay này được giải ngân bằng đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 208.000.000.000 đồng và đáo hạn vào ngày 02 tháng 11 năm 2015. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất bằng lãi suất có kỳ hạn 12 tháng cộng 3,3%/năm đối với Đồng Việt Nam và lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 3%/năm đối với Đô la Mỹ. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần. Công ty đã thế chấp tất cả tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại tại 31 tháng 12 năm 2013 là 9.951.986.273 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 74.153.714.526 đồng) theo hợp đồng thế chấp số 286.10.002.0452897.TC.DN ngày 01 tháng 11 năm 2010.

Tại ngày 29 tháng 7 năm 2011, Công ty ký hợp đồng thuê năm (5) bồn chứa khí CNG composite với Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với thời hạn là 36 tháng. Tổng số tiền thuê là 42.674.535.360 đồng. Khoản thuê này chịu lãi suất theo lãi suất huy động bình quân của ba ngân hàng (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP Á Châu và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam) cộng tỷ lệ phí thuê tài chính cố định 5%.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Trong vòng một năm	29.777.600.000	29.724.800.000
Trong năm thứ hai	30.231.079.230	29.724.800.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	30.177.959.790
	60.008.679.230	89.627.559.790
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(29.777.600.000)	(29.724.800.000)
Số phải trả sau 12 tháng	30.231.079.230	59.902.759.790

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Các khoản phải trả do thuê tài chính Trong vòng một năm	10.377.146.372	14.184.866.900	9.882.629.072	11.859.154.800
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	10.434.820.873	-	9.882.629.072
	10.377.146.372	24.619.687.773	9.882.629.072	21.741.783.872
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(494.517.300)	(2.877.903.900)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	9.882.629.072	21.741.783.873	9.882.629.072	21.741.783.872
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			(9.882.629.072)	(11.859.154.800)
Số phải trả sau 12 tháng			-	9.882.629.072

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn cổ phần đã phát hành

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phần được phép phát hành	27.000.000	21.327.638
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	270.000.000.000	213.276.380.000
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	27.000.000	21.327.638
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	270.000.000.000	213.276.380.000

Cổ phiếu

	31/12/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	27.000.000	21.327.638
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	26.999.673	21.327.638
+ Cổ phiếu quỹ	327	-

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Các cổ phần này không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 01/01/2012	203.120.380.000	1.695.680.000	-	-	12.485.556.241	11.141.013.212	159.320.910.426	387.763.539.879
Vốn đã góp trong năm	10.156.000.000	-	-	-	-	-	-	10.156.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	117.926.239.165	117.926.239.165
Chi cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(127.965.828.000)	(127.965.828.000)
Phân phối quỹ	-	-	10.172.434.367	-	30.517.303.100	10.172.434.367	(58.175.115.510)	(7.312.943.676)
Số dư tại ngày 31/12/2012	213.276.380.000	1.695.680.000	10.172.434.367	-	43.002.859.341	21.313.447.579	91.106.206.081	380.567.007.368
Vốn đã góp trong năm	56.723.620.000	-	-	(3.270.000)	(46.067.690.000)	-	-	10.652.660.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	123.900.451.459	123.900.451.459
Chi cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(63.982.914.000)	(63.982.914.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	11.792.623.917	5.896.311.958	(25.327.758.727)	(7.638.822.852)
Số dư tại ngày 31/12/2013	270.000.000.000	1.695.680.000	10.172.434.367	(3.270.000)	8.727.793.258	27.209.759.537	125.695.984.813	443.498.381.975

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 12/NQ-ĐHĐCĐ/2013 ngày 06 tháng 9 năm 2013, Công ty đã tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển cho cổ đông hiện hữu của Công ty, cổ phiếu phát hành từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển sẽ được phát hành cho cổ đông theo tỷ lệ 125:27, số cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm tròn xuống hàng đơn vị, số cổ phiếu là phát sinh thêm sẽ được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ và trả tiền lại cho cổ đông với giá mua lại bằng mệnh giá cổ phiếu. Đồng thời, Công ty cũng đã phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP) với tỷ lệ phát hành 5% trên số cổ phiếu đang lưu hành của công ty. Tổng số vốn điều lệ tăng thêm là 56.723.620.000 đồng, tương đương với 5.672.362 cổ phiếu.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 05/NQ-ĐHĐCĐ/2013 ngày 18 tháng 4 năm 2013, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt mức chia cổ tức năm 2012 là 45% /mệnh giá cổ phần từ lợi nhuận chưa phân phối, Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 15% bằng tiền mặt với số tiền 31.991.457.000 đồng vào năm 2012 và trong năm 2013 đã chi trả cổ tức đợt 2 và đợt 3 bằng tiền mặt với tỷ lệ 30%/mệnh giá cổ phần, tổng số tiền 63.982.914.000 đồng.

Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 18/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 12 năm 2013, Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%/mệnh giá cổ phần, tổng số tiền là 40.499.509.500 đồng. Công ty đã thực hiện thanh toán tạm ứng cổ tức đợt 1 này trong tháng 1 năm 2014.

Trong kỳ, Công ty đã trích lập Quỹ dự phòng bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, với số tiền tương ứng là 11.792.623.917 đồng, 5.896.311.958 đồng và 7.638.822.852 đồng và từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 05/NQ-ĐHĐCĐ/2013 ngày 18 tháng 4 năm 2013. Tỷ lệ chia cổ tức và trích lập các quỹ từ lợi nhuận của năm 2013 sẽ được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2014.

Chi tiết góp vốn của các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2013		31/12/2013	
	VNĐ	%	VNĐ	%
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	149.042.630.000	55,20	122.567.960.000	57,47
IEV Group	33.727.930.000	12,49	27.736.790.000	13,01
IEV Energy	18.059.660.000	6,69	9.213.500.000	4,32

17. BÁO CÁO BỘ PHẬN KINH DOANH

Công ty có trụ sở và nhà máy CNG Phú Mỹ tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cơ cấu tổ chức của Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh CNG. Do đó, công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

18. DOANH THU GỘP

Doanh thu gộp là khoản doanh thu từ bán các thành phẩm trong năm.

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán là giá vốn của các thành phẩm đã bán trong năm.

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	514.792.131.640	419.329.611.812
Chi phí nhân công	40.136.859.877	39.157.126.712
Chi phí khấu hao tài s ản cố định	131.923.690.001	118.355.005.255
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.252.916.862	67.558.205.773
Chi phí khác bằng tiền	7.643.315.838	21.346.949.556
	814.748.914.218	665.746.899.108

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lãi tiền gửi	16.648.971.420	20.421.999.160
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.766.295	80.304.304
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.694.504	15.665.852
Cổ tức nhận được	100.000.000	320.000.000
Thu nhập từ bán cổ phiếu	2.662.000.000	-
	19.446.432.219	20.837.969.316

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lãi tiền vay	14.508.051.373	23.422.238.239
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	182.470.287	62.080.698
	14.690.521.660	23.484.318.937

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	139.035.229.313	132.234.505.139
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(100.000.000)	(320.000.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.138.247.683	10.645.082.760
Thu nhập chịu thuế	143.073.476.996	142.559.587.899
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 25%	5.516.201.032	348.714.560
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 10%	137.557.275.964	142.210.873.339
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.134.777.854	14.308.265.974

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2009) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo (kể từ năm 2011).

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa vào cơ sở dữ liệu sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	123.900.451.459	117.926.239.165
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.162.513	25.807.784
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.736	4.569
	123.926.618.707	117.952.051.518

Trong năm 2013, số lượng cổ phần phổ thông tăng 4.607.096 cổ phần do Công ty tăng vốn điều lệ từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước được điều chỉnh hồi tố theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 – “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”.

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	784.314.545	780.633.440

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Trong vòng một năm	353.277.042	635.772.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.181.105.333	1.165.080.000
Sau năm năm	8.858.290.000	9.029.370.000
	10.392.672.375	10.830.222.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:

Tổng số tiền thuê 10.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 1,4 đô la Mỹ/m² theo hợp đồng thuê đất số 41/HDT/TLD/IZICO ngày 16 tháng 8 năm 2007 và phụ lục.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 15, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao

gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Các khoản vay	69.891.308.302	129.969.343.662
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(249.841.848.415)	(85.305.119.116)
Nợ thuần	(179.950.540.113)	44.664.224.546
Vốn chủ sở hữu	443.498.381.975	380.567.007.368
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	11.74%

Các khoản vay bao gồm vay ngắn hạn, vay và nợ dài hạn.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	249.841.848.415	85.305.119.116
Phải thu khách hàng và phải thu khác	164.578.283.280	150.628.162.149
Các khoản đầu tư	65.000.000.000	115.100.000.000
Các khoản kí quỹ	3.122.268.000	3.117.268.000
Tổng cộng	482.542.399.695	354.150.549.265
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	69.891.308.302	129.969.343.662
Phải trả người bán và phải trả khác	92.765.976.705	92.273.309.974
Chi phí phải trả	6.417.666.696	2.682.591.974
Tổng cộng	169.074.951.703	224.925.245.610

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi

nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	1.202.871.462	114.359.258	6.782.053.840	10.006.539.237

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	278.959.119	494.608.999

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận

trước thuế của Công ty sẽ giảm 1.397.826.166 đồng (năm 2012: 2.599.386.873 đồng).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiến mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	249.841.848.415	-	249.841.848.415
Phải thu khách hàng và phải thu khác	164.578.283.280	-	164.578.283.280
Các khoản đầu tư	65.000.000.000	-	65.000.000.000
Các khoản kí quỹ	5.000.000	3.117.268.000	3.122.268.000
Tổng cộng	479.425.131.695	3.117.268.000	482.542.399.695
Các khoản vay	39.660.229.072	30.231.079.230	69.891.308.302
Phải trả người bán và phải trả khác	92.765.976.705	-	92.765.976.705
Chi phí phải trả	6.417.666.696	-	6.417.666.696
Tổng cộng	138.843.872.473	30.231.079.230	169.074.951.703
Chênh lệch thanh khoản thuần	340.581.259.222	(27.113.811.230)	313.467.447.992

31/12/2012	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.305.119.116	-	85.305.119.116
Phải thu khách hàng và phải thu khác	150.628.162.149	-	150.628.162.149
Các khoản đầu tư	55.100.000.000	60.000.000.000	115.100.000.000
Các khoản kí quỹ	-	3.117.268.000	3.117.268.000
Tổng cộng	291.033.281.265	63.117.268.000	354.150.549.265
Các khoản vay	60.183.954.800	69.785.388.862	129.969.343.662
Phải trả người bán và phải trả khác	92.273.309.974	-	92.273.309.974
Chi phí phải trả	2.682.591.974	-	2.682.591.974
Tổng cộng	155.139.856.748	69.785.388.862	224.925.245.610
Chênh lệch thanh khoản thuần	135.893.424.517	(6.668.120.862)	129.225.303.655

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	Công ty mẹ
IEV Group	Cổ đông
IEV Energy SDN.BHD	Cổ đông
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông	Cùng tập đoàn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	404.952.978.851	279.529.375.694
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	97.726.487.582	125.117.107.493
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông	1.326.954.201	1.028.767.275
Doanh thu		
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông	1.070.017.798	8.398.675
Cổ tức chi trả trong kỳ		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	36.770.388.000	73.540.776.000
IEV Group	8.321.037.000	13.996.074.000
IEV Energy SDN.BHD	2.764.050.000	5.042.100.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lương, thưởng và thù lao	6.700.659.680	4.630.114.182

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Các khoản phải trả thương mại		
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	72.671.498.221	60.341.347.296
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	11.798.368.738	13.958.996.822
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông	139.131.300	120.515.500
Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	5.687.000.000	5.687.000.000


Phan Thị Kim Thoa
Người lập biểu


Ngô An Hòa
Kế toán trưởng


Đặng Văn Vinh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 02 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM
CNG VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Lầu 7 GAS TOWER, số 61B đường 30/4,
Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT : 064 3574635 - 064 3574801 - 064 3576551
Fax: 064 3574619

www.cng-vietnam.com